CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 08.38442414 – 08.39911945 – Fax : 08.38442387
Email : southernseed@ssc.con.vn

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2014

TT	Danh mục tài liệu
1	Chương trình ĐHĐCĐ thường niên 2014
2	Báo cáo Hội đồng quản trị năm 2014
3	Báo cáo của Ban Điều hành năm 2014
4	Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2014
5	Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ HĐQT 2010- 2014 & phương hướng nhiệm vụ (2015-2019)
6	Báo cáo Tổng kết nhiệm kỳ Ban Kiểm soát 2010- 2014
7	Tờ trình phân phối lợi nhuận, trích lập quỹ, chi trả cổ tức năm 2014
8	Tờ trình báo cáo kết quả chi trả thù lao của HĐQT & BKS năm 2014 và phương án chi trả thù lao năm 2015
9	Tờ trình ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2015
10	Quy chế bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015 -2019
11	Báo cáo Tài chính 2014 tóm tắt: – Báo cáo tài chính hợp nhất – Báo cáo tài chính Công ty mẹ

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
282 Lê Văn Sỹ, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 08.38442414 – 08.39911945 – Fax: 08.38442387
Email: southernseed@ssc.com.vn

CHƯƠNG TRÌNH CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2014 *(25/4/2015)*

TT	Thời gian	Nội dung	Thực hiện
1	8:00 – 9:00	- Đăng ký cổ đông, tiếp đón khách mời; - Khai mạc (báo cáo tỷ lệ cổ đông tham dự, giới thiệu khách mời, chương trình Đại hội; đề cử Chủ toạ đoàn, Thư ký) - Báo cáo Ban Điều hành, bao gồm: + Báo cáo kết quả hoạt động SXKD, ĐT và XDCB năm 2014 và kế hoạch SXKD, Đầu tư & XDCB – TC năm 2015,	Ban Tổ chức Nguyễn Tiến Hiệp UV. HĐQT Hàng Phi Quang TGĐ
2	9:00 – 10:00	+ Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chi trả cổ tức năm 2014 & Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ, chi trả cổ tức năm 2015; + Tờ trình ủy quyền cho HĐQT chọn đơn vị kiểm toán độc lập năm 2015 + Báo cáo kết quả chi trả thù lao cho HĐQT và BKS năm 2014 & Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2015 - Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị (2010-2014) và phương hướng nhiệm vụ SXKD 2015-2019 - Báo cáo của BKS năm 2014 và Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát (2010-2014)	Nguyễn Tiến Hiệp UV. HĐQT Hồ Văn Đoàn UV. HĐQT Hàng Phi Quang CT. HĐQT Nguyễn Hoàng Công TBKS
2	10:00 – 10:40	- Thảo luận các báo cáo - Đề cử và thông qua Ban Kiểm phiếu và biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ trong năm 2009 - Tờ trình chuẩn bị nhân sự bầu thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015 – 2019; - Phổ biến Quy chế bầu cử & hướng dẫn bầu cử & bầu thành viên HĐQT, BKS.	Chủ toạ đoàn Ng. Thanh Tùng PCT. HĐQT Ban Kiểm phiếu
3	10:45 – 11:00	**Nghỉ giải lao (15') Ban Kiểm phiếu làm việc**	
5	Từ sau 12:00	- Thảo luận và biểu quyết các vấn đề HĐQT trình ĐHĐCĐ năm 2015; - HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2010 – 2014 tuyên bố kết thúc nhiệm kỳ - Công bố kết quả biểu quyết và bầu cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2015-2019 - HĐQT, BKS họp phiên họp bầu chức danh: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Trưởng Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc **(cổ đông nghỉ giải lao 10' tại chỗ)** - HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2010 -2014 ra mắt Đại hội. - Thông qua dự thảo Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên 2014; - Bế mạc ĐHĐCĐ;	Chủ toạ đoàn Ban Kiểm phiếu Chủ toạ đoàn Ban Tổ chức

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

I. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Bối cảnh chung

- Biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho thời tiết diễn biến bất thường như hạn hán, bão lũ gây tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp.
- Khủng hoảng kinh tế thế giới đã tác động đến nền kinh tế nhiều quốc gia và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Hội nhập kinh tế toàn cầu tạo ra nhiều cơ hội, đồng thời doanh nghiệp cũng phải vượt qua nhiều thách thức để tồn tại và phát triển.
- Giá lúa lương thực, bắp nông sản biến động theo từng năm làm cho nhu cầu hạt giống các loại không ổn định;
- Tình hình cạnh tranh mạnh trên thị trường hạt giống, nhất là sự tăng cường tiếp thị của các công ty giống nước ngoài và sự ra đời của một loạt các công ty giống mới

Đứng trước bối cảnh trên, hoạt động SXKD của Công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

Thuận lợi	Khó khăn
− Sự hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của Bộ NN & PTNT đã tạo nhiều thuận lợi cho Công ty thực hiện tốt công tác hoạch định và thực hiện kế hoạch SXKD. − Nhu cầu về hạt giống chất lượng cao cho sản xuất ngày càng gia tăng. − Thương hiệu SSC có vị thế mạnh trên thị trường và luôn được sự tín nhiệm của người tiêu dùng . − Các sản phẩm mới do Công ty chọn tạo được thị trường chấp nhận đã góp phần duy trì thị phần và gia tăng doanh thu, lợi nhuận. − Các dự án đầu tư mở rộng đã đi vào hoạt động ổn định đã nâng công suất chế biến hạt giống, đảm bảo cung ứng kịp thời hạt giống theo yêu cầu thị trường. − Công ty có đội ngũ cán bộ chủ chốt nhiều năm kinh nghiệm và lớp cán bộ trẻ kế thừa từng bước đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; lực lượng công nhân lành nghề được duy trì.	− Thời tiết hàng năm diễn biến thất thường như hạn hán, bão lũ, dịch bệnh,.. ảnh hưởng đến quá trình sản xuất hạt giống, làm giảm năng suất cây trồng và gia tăng giá thành hạt giống. − Giá vật tư nông nghiệp, lao động phổ thông tăng cao, chi phí sản xuất tiếp tục tăng dẫn đến phải tăng giá thu mua nguyên liệu của hầu hết các loại hạt giống. − Một số sản phẩm hạt giống sản xuất hoặc dự trữ không đầy đủ, kịp thời làm cho việc bán hàng bị gián đoạn, làm mất đi cơ hội kinh doanh và ảnh hưởng đến hoạt động phát triển thị trường. − Tình hình cạnh tranh về thị trường và vùng nguyên liệu giữa các công ty ngày càng gay gắt.

Về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013 (Tỷ đồng)	Kế hoạch 2014 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2014 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2014/ Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/ Thực hiện 2013
Doanh thu thuần	603,08	710,00	608,63	85,72%	0,92%
LNST	76,99	95,00	86,54	91,10%	12,39%

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành công ty

Những mặt làm được :

Ban Tổng Giám đốc đã tích cực triển khai các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành năm 2014, bao gồm :

- Hoạt động nghiên cứu và công nhận giống: Trong năm 2014 đã tiến hành công nhận giống lúa lai (NU9, Phúc Ưu 868, NU901) 2 giống lúa thuần (DB18, BT9, OM5953, OM8017, VN121), 2 giống ngô tẻ (SSC7830, SK100), 2 giống ngô nếp (Max68, Maxone, SSC077);
- Đã quyết toán xong và đã được cấp đủ chi phí nhập –xuất-bảo quản hàng DTQG 2012, 2013. Đã thực hiện hợp đồng dự trữ quốc gia năm 2014, KL 931 tấn lúa và 83 tấn bắp MX10, tổng số tiền 37,1 tỷ đồng và đã được ngân sách cấp đủ tiền;
- Chương trình KC06 năm 2013 đã được ứng vốn đủ 100% số tiền 3 tỷ đồng và đã giải ngân 1,8 tỷ, ngoài ra ứng vốn tự có của Công ty là 987 triệu đồng. Năm 2014 đã được ứng vốn 70%, số tiền 2,1 tỷ đồng/3 tỷ đồng, đã giải ngân số tiền 267 triệu đồng;
- Chương trình VBCF đã được thanh toán giai đoạn 1, số tiền 1,085 tỷ đồng/tổng dự án được cấp 7,832 tỷ đồng;
- Chương trình hỗ trợ lãi vay theo Quyết định 13 của UBND TP.HCM đã được cấp trong năm 2014 của đợt 1/2013 là 1,065 tỷ đồng và qua tháng 1/2015 đã được cấp tiếp đợt 2/2013 là 300 triệu đồng & đợt 1/2014 là 500 triệu đồng;
- Quyết toán xong nguồn kinh phí khuyến nông năm 2013 thực hiện tại CNTNg và Trại Cờ Đỏ, số tiền 809/822 triệu. Toàn dự án dài 3 năm (2011-2013), tổng số tiền là 2,466 tỷ đồng;
- Đã ký hợp đồng khuyến nông giai đoạn (2014-2016) sản xuất lúa lai tại ĐắkLắk. Năm 2014 đã nhận 30% kinh phí, số tiền 322 triệu đồng/1,075 tỷ đồng và quyết toán xong số tiền là 1,037 tỷ/1,075 tỷ, đang chờ biên bản TTKNQG và giải ngân đợt 2;
- Chương trình khuyến nông với Viện Lúa Đồng Bằng Sông Cửu Long đã được cấp 50% kinh phí, số tiền 115/231 triệu đồng;
- Chương trình với Sở KH& CN về nội dung"ứng dụng một số giải pháp công nghệ sinh học trong chọn tạo và nhân dòng ớt cay" đã được ngân sách cấp 400 triệu đồng và đã giải ngân 236 triệu đồng;
- Nhân sự Tây Nguyên đã tiến hành thay thế theo nghị quyết của Hội đồng quản trị, nhưng nhân sự Trại Cờ Đỏ chưa triển khai thực hiện vì có dự kiến thay đổi, tiếp nhận lại người,
- Khảo nghiệm giống xây dựng vùng sản xuất rau thương phẩm, xúc tiến việc hợp tác với đối tác Nhật;
- Dự án liên doanh xây dựng Trung tâm Thương mại - Văn phòng - Căn hộ tại 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM. Ngày 03/9/2014, SSC đã ký kết liên doanh góp vốn 25% với đối tác Công ty Phát triển Nhà DaeWon Thủ Đức (thay thế cho đối tác nước ngoài), các điều khoản giá trị đất không thay đổi, hiện đang trong giai đoạn nộp hồ sơ xin Giấy phép đầu tư;

Những mặt còn hạn chế

- Doanh thu và lợi nhuận chưa đạt kế hoạch ĐHĐCĐ thường niên 2013 đề ra;

- Công tác sản xuất : chưa giải quyết dứt điểm tình trạng lúa thuần bị lẫn cỏ, lúa lụa đỏ,
- Công tác tài chính : Tình trạng công nợ tăng cao, công tác thu hồi công nợ chưa đạt kết quả tốt; công tác hạch toán kế toán cần phải đáp ứng số liệu nhanh hơn nữa
- Công tác nghiên cứu : Công tác công nhận giống thực hiện chưa kịp tiến độ để đáp ứng yêu cầu kinh doanh;
- Công tác đầu tư : Chưa đánh giá hiệu quả của các dự án đầu tư;
- Công tác tiền lương : Cơ chế tiền lương khoán cho bộ phận kinh doanh chưa thực hiện được, Công tác nhân sự quản lý cấp trung vẫn còn nhiều bất cập;

Hướng khắc phục:

- Triển khai công tác Tái cấu trúc bộ máy tổ chức theo hướng "Chuyên sâu-Tinh gọn- Hiệu quả" ưu tiên sử dụng nhân sự có trình độ, tăng cường hợp tác với các đơn vị khác để sử dụng các dịch vụ cung ứng bên ngoài; tập trung cải tổ hoạt động Marketing, bán hàng theo hướng ngành hàng để phát huy tối đa nguồn lực của công ty; Hoàn thiện và tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo để nâng cao chất lượng nhân lực; xây dựng chế độ lương thưởng phù hợp yêu cầu phát triển của công ty đồng thời gắn với trách nhiệm cá nhân và tập thể.
- Phát huy một số thành tựu trong nghiên cứu, khảo nghiệm trong năm 2014; tiếp tục thúc đẩy tiến độ phóng thích và công nhận giống; củng cố công tác phát triển sản phẩm mới trong các hoạt động Trình diễn hội thảo và quảng bá sản phẩm;trong đó chú trọng sản phẩm chủ lực hiện SSC đang bị cạnh tranh cao: ngô, lúa thuần, hạt rau; tăng cường hơn nữa phối hợp giữa bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm.
- Xây dựng chiến lược Marketing giai đoạn 5 năm (2015-2019) và nâng cao chất lượng của nhân viên tiếp thị bán hàng thông qua đào tạo, huấn luyện trong và ngoài nước.
- Xây dựng chiến lược sản xuất 5 năm (2015-2019) và quy hoạch vùng sản xuất phù hợp để bảo đảm nguồn giống cung ứng ổn định, chất lượng, kịp thời và hiệu quả; đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường trong từng thời vụ. Tăng cường quản lý và giám sát chất lượng hạt giống từ khâu ngoài đồng cho đến trong nhà máy để bảo đảm chất lượng đạt và vượt tiêu chuẩn; củng cố uy tín thương hiệu SSC dựa trên chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Tập trung cũng cố thiết bị và cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng sản phẩm và cơ giới hóa từng bước các hoạt động chế biến bảo quản..
- Tăng cường công tác quản lý tài chính và công tác quản lý điều hành ở các cấp bảo đảm thực hiện đúng quy định, Hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại trong hoạt động SXKD, đặc biệt tăng cường công tác thu hồi công nợ và sử dụng chi phí hiệu quả.
- Áp dụng các biện pháp chế tài cần thiết đối với các sai phạm; nêu cao tinh thần tự giác và chịu trách nhiệm thông qua việc triển khai chính sách thưởng/phạt và khen thưởng kịp thời nhằm động viên & khuyến khích đối với sáng tạo, sáng kiến và hoạt động các cá nhân, tập thể có công sức tạo ra hiệu quả trong hoạt động NC-SX-KD; cũng như các cải tiến công tác quản trị của các bộ phân nghiệp vụ nhằm giảm thiểu những tổn thất, thiết hại để mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên và thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty cần phải tập trung vào những phương hướng chủ yếu sau đây:

- Tiếp tục củng cố và phát triển tất cả các mặt hoạt động của công tác *quản trị nguồn nhân lực* để có thể đảm bảo đầy đủ số lượng và chất lượng đối với đội ngũ cán bộ, nhân viên. Tập trung hoàn thành dự án "Tái cấu trúc và xây dựng mô hình quản trị công ty" trong năm 2015; từng bước điều chỉnh chính sách tiền lương phù hợp yêu cầu phát triển của Công ty; tăng cường sử dụng các chế độ khoán, thưởng một số hoạt động nhằm động viên CBNV kịp thời..
- Điều chỉnh chiến lược *nghiên cứu phát triển* một số sản phẩm chủ yếu; đẩy nhanh tiến độ công nhận giống mới theo dự án; đầu tư đủ nhân lực, cơ sở vật chất để tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học hỗ trợ hoạt động chọn tạo giống.

- Củng cố công tác *hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh* của SSC, từ đó xác lập kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu cho các hoạt động, các đơn vị của Công ty.
- Đầu tư nâng cấp, đổi mới thiết bị, xây dựng mở rộng cơ sở vật chất *kho tàng, máy móc thiết bị* phục vụ công tác nghiên cứu, sản xuất-chế biến-bảo quản và công tác quản lý.
- Củng cố và mở rộng các *vùng nguyên liệu* có điều kiện sinh thái phù hợp để sản xuất hạt giống bắp lai, lúa lai và hạt giống rau.
- Đẩy nhanh tiến độ *thực hiện dự án liên doanh* với công ty Daewon để tăng lợi nhuận
- Tiến hành phát hành cổ phiếu thưởng để *tăng vốn điều lệ* lên 200 tỷ trong năm 2016.
- Triển khai công tác *kế toán quản trị và kiểm soát nội bộ* nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro trong toàn Công ty và các công ty con.

II. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

STT	Họ tên	Chức danh	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/Vốn điều lệ
1	Hàng Phi Quang	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc	44.587	0,29%
2	Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch không điều hành	0	0%
3	Nguyễn Tiến Hiệp	Thành viên kiêm Giám đốc Tài chính	129	0%
4	Quốc Hồ Đình Tuấn	Thành viên không điều hành	0	0%
5	Nguyễn Quốc Vọng	Thành viên kiêm Giám đốc Chi nhánh	2.456	0,01%

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

Danh sách các tiểu ban:

Tiểu Ban Chính sách Phát triển	
Ông Nguyễn Quốc Vọng	Uỷ viên. HĐQT - Trưởng Tiểu ban
Ông Hàng Phi Quang	Chủ tịch HĐQT - Thành viên
Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ	
Ông Quốc Hồ Đình Tuấn	Ủy viên HĐQT - Trưởng Tiểu ban
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ Tịch HĐQT - Thành viên
Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng	
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Chủ tịch HĐQT - Trưởng Tiểu ban
Ông Nguyễn Tiến Hiệp	Ủy viên HĐQT - Thành viên

Hoạt động của các tiểu ban

✓ Tiểu Ban Chính sách Phát triển:

- Thảo luận và đề xuất các ý kiến, các nội dung liên quan đến kế hoạch SXKD - Đầu tư - Tài chính- XDCB - mua sắm thiết bị năm 2014;
- Thảo luận về kế hoạch SXKD năm 2014 của Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An (NAS), thủ tục phá sản Công ty cổ phần Cơ khí Giống cây trồng miền Nam (SSE);
- Thảo luận kế hoạch thoái vốn của SCIC; Thảo luận kế hoạch hợp tác của Công ty cổ phần Xuyên Thái Bình Dương (PAN) & IFC;

– Thảo luận, đàm phán Hợp đồng Liên doanh, điều lệ liên doanh với đối tác Công ty cổ phần Phát triển Nhà Daewon Thủ Đức để triển khai thực hiện Dự án 282 Lê Văn Sỹ,

– Thảo luận việc Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung ương chào mua công khai cổ phiếu của SSC;

– Khảo sát đánh giá thị trường Lào, thảo luận định hướng chiến lược phát triển thị trường Myanmar. Chủ trương, chiến lược hợp tác mua bản quyền giống bắp lai C919 với Monsanto và các đối tác khác về giống lúa thuần trong ngành nông nghiệp;

✓ Tiểu Ban Kiểm toán Nội bộ

– Thảo luận lựa chọn Công ty kiểm toán để kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 của SSC & các Công ty con;

– Đánh giá hạn mức vay tín dụng với các ngân hàng: Nông nghiệp,VietinBank, HSBC, VPBank, Sinhan Bank; CTBC, Standard Chartered Bank….

– Thảo luận việc bán cổ phiếu quỹ của SSC;

– Thảo luận kế hoạch chi trả cổ tức đợt 2/2013; đợt 3/2013;

✓ Tiểu Ban Nhân sự - Lương thưởng :

– Thảo luận đơn giá tiền lương năm 2014;

– Đề cử thay đổi Giám đốc người đại diện theo pháp luật, của Công ty cổ phần Giống cây trồng Nam An (NAS), người đại diện phần vốn của SSC tại NAS;

– Thảo luận việc miễn nhiệm, bổ nhiệm nhân sự quản lý cấp trung của SSC;

– Đề cử Người đại diện phần vốn của SSC tại Công ty TNHH Phát triển Nhà Cantavil là đại diện theo ủy quyền vào Hội đồng Thành viên và giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc tại liên doanh;

– Thảo luận xây dựng Quy chế quản trị Công ty theo Thông tư 121/2012/TT-BTC, ngày 27/06/2012;

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Thường kỳ, Tổng Giám đốc thực hiện báo cáo tình hình hoạt động Công ty và kế hoạch sắp tới để HĐQT theo dõi và giám sát kết quả quản lý điều hành Công ty. Bên cạnh đó Tổng Giám đốc đồng thời là Chủ tịch HĐQT nên công tác giám sát của HĐQT đối với Tổng Giám đốc trong việc tuân thủ các nghị quyết, quyết định của ĐHCĐ và HĐQT được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo Tổng Giám đốc không lạm quyền, không vượt quá phạm vi thẩm quyền theo Điều lệ Công ty và qui định pháp luật.

Trong năm 2014, SSC đã tổ chức 04 cuộc họp và ban hành 10 nghị quyết cụ thể: *(Báo cáo tình hình quản trị Công ty)*

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT	16/03/2014	- Thông qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2013 của SSC
			- Công tác chuẩn bị ĐHĐCĐ thường niên 2013
			- Tờ trình phân phối lợi nhuận năm năm 2013
			- Quyết toán chi trả thù lao HĐQT & BKS năm 2013
			- Phương án chi trả thù lao HĐQT, BKS năm 2014
			- Tờ trình lựa chọn kiểm toán độc lập năm 2014
			- Thông qua kế hoạch SXKD- Đầu tư – XDCB -Tài chính năm 2014 của SSC
			- Thông qua nội dung hợp đồng liên doanh & Điều lệ Công ty liên doanh SSC – DaeWon và một số nội dung khác liên quan;
			- Đánh giá hoạt động của Hội đồng cố vấn và giải pháp
			- Quy trình Công bố thông tin theo Thông tư 52/2012
2	02/NQ-HĐQT	08/05/2014	Chọn Công ty kiểm toán độc lập Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014

3	03/NQ-HĐQT	08/08/2014	Chi trả tạm ứng cổ tức đợt 2/2013 cho cổ phiếu của SSC
4	04/NQ-HĐQT	08/08/2014	- Thông qua kết quả thực hiện SXKD 6 tháng đầu năm 2014 của SSC
			- Thông qua việc miễn nhiệm, bổ nhiệm nhân sự quản lý cấp trung của SSC
			- Thông qua Tờ trình sửa chữa Văn phòng Chi nhánh Hà Nội
			- Thông qua Tờ trình xử lý gán nợ của Đại lý Hà Đạt – Sơn La
			- Thông qua nội dung Hợp đồng liên doanh, điều lệ liên doanh với đối tác là Công ty cổ phần Phát triển Nhà DaeWon Thủ Đức
			- Thông qua việc mua bản quyền giống C919 của đối tác Monsanto
			- Thông qua phê duyệt hồ sơ mời thầu & phê duyệt Kế hoạch đấu thầu hạng mục lắp đặt thiết bị sấy và chế biến Nhà máy Trà Vinh
			- Chủ trương thuê đất Khu Nông nghiệp Công nghệ cao TP.HCM
5	05/NQ-HĐQT	08/08/2014	Thông qua việc bán cổ phiếu quỹ của SSC
6	06/NQ-HĐQT	08/08/2014	Thông qua chủ trương nhận chuyển nhượng quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở của Đại lý Hà Đạt –Sơn La
7	07NQ-HĐQT	07/10/2014	Thống nhất Công ty cổ phần Giống cây trồng Trung Ương (NSC) thực hiện chào mua công khai
8	08/NQ-HĐQT	06/11/2014	Thông qua việc bán cổ phiếu quỹ của SSC
9	09/NQ-HĐQT	28/11/2014	Phê chuẩn việc chỉ định Người đại diện phần vốn của SSC tại Công ty TNHH Phát triển Nhà Cantavil là đại diện theo ủy quyền vào Hội đồng Thành viên và giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc tại liên doanh
10	10/NQ-HĐQT	17/12/2014	Thông qua việc chi trả cổ tức đợt 3/2013 của SSC

III. QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- Xây dựng Phương án tái cấu trúc Công ty giai đoạn 2 về các mặt: chiến lược nghiên cứu, kinh doanh, tài chính, nhân sự… theo hướng khai thác chuỗi giá trị gia tăng, mở rộng quy mô công ty;
- Tăng cường hoạt động của Hội đồng quản trị trong việc hoạch định chiến lược và quản trị công ty;
- Hoàn thiện hệ thống quy chế quản trị nội bộ công ty, quản trị rủi ro, quan hệ nhà đầu tư (IR);
- Cải tiến, xây dựng chế độ lương thưởng theo hướng trả lương theo chất lượng công việc và khuyến khích thu hút nhân tài, đào tạo bồi dưỡng cán bộ kế cận, đáp ứng yêu cầu nhân lực của công ty phát triển bền vững trong tương lai;
- Củng cố tăng cường công tác quản lý, kiểm soát công ty con hiệu quả.

IV. CÁC MỤC TIÊU CỤ THỂ NĂM 2015 :

1. Công ty mẹ

STT	CHỈ TIÊU	KH 2015
1	Doanh thu thuần	716.921.632.468
2	Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	101.469.349.545
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	94.417.365.195
4	Cổ tức 25%VĐL (149.923.670.000)	37.480.917.500

(Ghi chú : dự kiến năm 2015 được ưu đãi thuế Thu nhập doanh nghiệp đối với DNKHCN)

2. Công ty hợp nhất năm 2015 : *(bao gồm Công ty con)*

STT	CHỈ TIÊU	KH 2015
1	Doanh thu thuần	725.601.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	102.424.000.000
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	95.238.000.000
4	Cổ tức 25%VĐL (149.923.670.000)	37.480.917.500

V. KẾ HOẠCH MUA SẮM TSCĐ VÀ ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2015

(ĐVT : triệu đồng)

STT	Tên dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đầu tư năm 2015	Nguồn vốn đầu tư
1	Trại GCT Cờ Đỏ	760,00	760,00	Vốn chủ sở hữu
2	Trại GCT Lâm Hà	25,00	25,00	Vốn chủ sở hữu
3	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)	895,00	895,00	Vốn chủ sở hữu
4	Trạm GCT Củ Chi	2.100,00	2.100,00	Vốn chủ sở hữu
5	Trạm GCT Cai Lậy	130,00	130,00	Vốn chủ sở hữu
6	Chi nhánh Hà Nội	12.584,55	12.584,55	Vốn chủ sở hữu
7	Chi nhánh Miền Trung	55,00	55,00	Vốn chủ sở hữu
8	Chi nhánh Tây Nguyên	155,00	155,00	Vốn chủ sở hữu
10	Nhà máy Trà Vinh	600,00	600,00	Vốn chủ sở hữu + VBCF
11	CVF	429,03	429,03	Vốn chủ sở hữu
12	Trụ sở chính Công ty	5.800,28	5.800,28	Vốn chủ sở hữu
	Tổng cộng	23.533,87	23.533,87	

Kết luận : Năm 2014, Công ty mặc dù doanh thu chưa đạt được theo kỳ vọng và tăng trưởng chỉ tương đương cùng kỳ nhưng với nỗ lực quyết tâm của HĐQT, Ban Điều hành Công ty, SSC cũng đã tiếp tục củng cố cơ sở vật chất, từng bước thâm nhập thị trường các nước trong khu vực, tích cực thực hiện các hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, tăng cường công tác quản lý chất lượng và hoàn thiện công tác quản trị nhằm đảm bảo cho Công ty phát triển ổn định và bền vững trong tương lai.

– Những thành quả trên có được là nhờ nỗ lực của toàn thể CBNV Công ty, Bộ NN & PTNT, sự ủng hộ của các cổ đông, sự hợp tác, hỗ trợ của các ban ngành, đoàn thể, đơn vị đối tác, khách hàng, nhà cung ứng, các cơ quan thông tin đại chúng cũng đã góp phần đáng kể cho sự phát triển ổn định của Công ty trong năm qua.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin chân thành cảm ơn toàn thể quý vị cổ đông

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0302634683 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
Q. TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Hàng Phi Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

*****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2014

Kinh tế thế giới và trong nước vẫn còn nhiều bất ổn**.** GDP 2014 tăng 5,98 % so với năm 2013, trong đó khu vực nông lâm thuỷ sản tăng 3,49 %. CPI bình quân năm 2014 tăng 3,95%, là mức lạm phát thấp nhất trong 10 năm qua. Thời tiết khá thuận lợi, mưa bão ít xảy ra đã giúp Công ty có điều kiện kinh doanh tốt hơn năm trước. Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh ngày càng khốc liệt khi các tập đoàn tăng cường hợp tác, đầu tư vào ngành giống Việt Nam. Trước bối cảnh chung đó, hoạt động SXKD của Công ty gặp không ít thuận lợi nhưng cũng đối mặt với nhiều khó khăn, trở ngại:

✓ Thuận lợi

- Chính sách bán hàng thuận lợi, đáp ứng kịp thời biến động thị trường.
- Thương hiệu SSC được nông dân đánh giá có uy tín;
- Sản phẩm của SSC được các thị trường nước ngoài đánh giá cao, như Myanmar, Philippines, Lào.
- Công ty tranh thủ các hỗ trợ của Nhà nước cho doanh nghiệp về nguồn vốn vay ưu đãi, ưu đãi về thuế suất thuế TNDN, ưu đãi đầu tư, tài trợ của Qũy VBCF cho Nhà máy Trà Vinh.
- Nhận được nguồn vốn tín dụng vay từ các ngân hàng với mức lãi suất thấp và cạnh tranh.
- Vùng nguyên liệu được mở rộng, ổn định, có thể sản xuất quanh năm. Công suất kho, sấy, chế biến được tăng cường nhờ xây dựng, lắp đặt thiết bị mới.

✓ Khó khăn

- Giá nông sản ở mức thấp khiến nông dân giảm sử dụng hạt giống ngô..
- Rau xuất khẩu qua thị trường Trung Quốc gặp nhiều bất lợi nên nông dân giảm diện tích canh tác.
- Tỷ trọng doanh thu sản phẩm mới chưa tăng trưởng theo kỳ vọng.
- Trang thiết bị cho CBBQ đã được đầu tư nhưng còn chậm đổi mới công nghệ.
- Nợ khách hàng tăng do thị trường giống và nông sản khó khăn

◆ **Kết quả hoạt động thực hiện so với cùng kỳ và so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra**

Chỉ tiêu	Thực hiện 2013 (Tỷ đồng)	Kế hoạch 2014 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2014 (Tỷ đồng)	Thực hiện 2014/ Kế hoạch 2014	Thực hiện 2014/ Thực hiện 2013
Doanh thu thuần	603,08	710,00	608,63	85,72%	0,92%
LNST	76,99	95,00	86,54	91,10%	12,39%

(Các chỉ tiêu không bao gồm số liệu Công ty con)

Trong năm 2014, do gặp nhiều khó khăn trong thị trường ngô nông sản, chính sách triển khai chuyển đổi cây trồng của Nhà nước, cũng như năng lực triển khai sản xuất vụ Thu Đông chưa tận dụng các cơ hội thị trường nên các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận hoạt động chưa đạt được

như kỳ vọng đặt ra. Tuy nhiên, so với năm 2013, Công ty cũng đã đạt một số thành quả đáng ghi nhận trong hoạt động nghiên cứu - sản xuất – kinh doanh. Cụ thể: doanh thu thuần: **608,63 tỷ đồng**, tăng 0,92% so với cùng kỳ, lợi nhuận sau thuế **tăng 12,39% so với cùng kỳ.**

- **Những tiến bộ công ty đã đạt được**

Trong năm 2014, những tiến bộ nổi bật của Công ty đạt được trong hoạt động nghiên cứu sản phẩm như sau:

- **Dự án Lúa lai:**
  - Cải thiện tính trạng chịu mặn của dòng bố HR182, P. khôi 838KBL, Quế 99KBL và 49 dòng B đời F4.
  - Thực hiện 20 TN các loại, 3 điểm khảo nghiệm rộng, chọn 2 giống cho Duyên hải Nam trung bộ, 1 giống lúa lai (Nhị ưu 838 KBL) cho phía Bắc, 5 giống mới hình thành từ đề tài KC-06 Vụ II-2015.
- Dự án lúa thuần:
  - Khảo sát 5 giống nhập nội từ Myanmar, một số giống Japonica (2 giống từ Úc và 11 giống gốc Nhật Bản);
  - So sánh 22 giống đột biến xác định 10 dòng giống triển vọng.
- Dự án cây màu:
  - Khảo nghiệm xác định giống CN 167, 610 và 850 bắp vàng của Viện Ngô triển vọng.
  - Khảo nghiệm rộng chọn 2 giống bắp vàng (SSC601, SSC474) thích nghi rộng, có triển vọng. Chọn 07 giống (SSC130360, 130361, 130431, SSC672, 642, 463, 588) cho TN rộng.
  - Lọc thuần màu hạt tím trên dòng bố mẹ nếp SSC121. KN chọn 03 giống bắp nếp (NSSC121 hạt trắng, JXMN7, NSSC425, 536) ngon, sạch bệnh, năng suất cao.
  - Lọc thuần giống đậu xanh thu hoạch 1 lần (Myanmar) và đậu xanh hạt vàng (Cambodia) làm giá có triển vọng
- Dự án cây rau: CVF đã đưa ra kinh doanh 18 sản phẩm mới: dưa leo, khổ qua, dưa hấu, bầu, bí, ớt, cà chua, húng quế, đậu đũa, cải củ, cải bẹ.

2. Tình hình tài chính năm 2014

a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	+/-
Tài sản ngắn hạn	Triệu đồng	363.176	415.895	14,52%
Tài sản dài hạn	Triệu đồng	104.916	121.459	15,77%
Tổng tài sản	Triệu đồng	468.092	537.354	14,80%

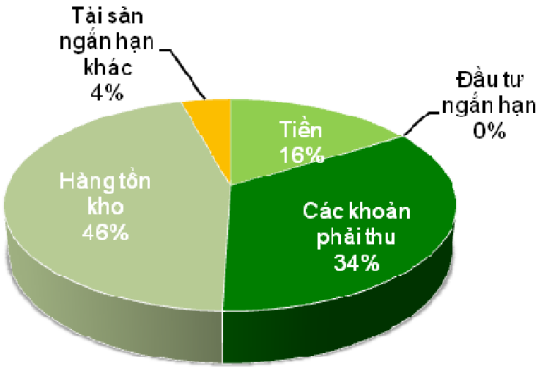

Cơ cấu tài sản ngắn hạn 2014

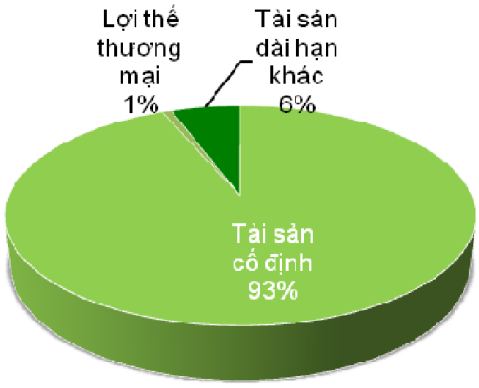

Cơ cấu tài sản dài hạn 2014

Trong năm 2014, tổng tài sản tăng gần 15% so với cùng kỳ với mức tăng đều của tài sản ngắn hạn và dài hạn. Trong cơ cấu tài sản ngắn hạn, hàng tồn kho và các khoản phải thu chiếm tỷ trọng lớn (lần lượt là 46% và 34%).

Tài sản cố định là yếu tố chiếm phần lớn tỷ trọng trong cơ cấu tài sản dài hạn của Công ty. Tài sản hữu hình tăng lên trong năm là yếu tố dẫn đến sự tăng lên của tổng giá trị tài sản dài hạn.

b) Tình hình nợ phải trả

– **Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.**

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	+/-
Nợ ngắn hạn	**Triệu đồng**	**165.205**	**161.763**	**-2%**
Nợ dài hạn	**Triệu đồng**	**1.441**	**1.215**	**-16%**
Tổng nợ phải trả	**Triệu đồng**	166.646	162.978	-2%

Giá trị các khoản nợ phải trả trong năm 2014 đều sụt giảm nhẹ so với cùng kỳ.

Trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty, vay ngắn hạn và phải trả người bán là hai yếu tố chiếm tỷ trọng lớn nhất với tỷ lệ lần lượt là 36% và 32%. Nợ vay dài hạn là yếu tố duy nhất trong tổng nợ dài hạn 2014, giá trị nợ dài hạn sụt giảm mạnh (-16% so với cùng kỳ).

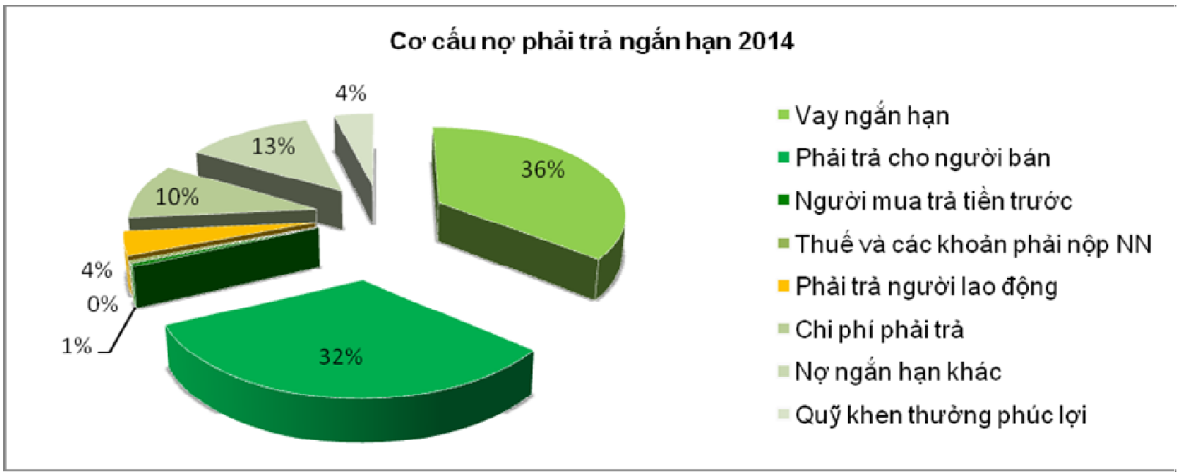

Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Các nghĩa vụ nợ phải trả của Công ty đều đang trong hạn. Các khoản vay của Công ty đều áp dụng lãi suất cố định nên biến động lãi suất hầu như không tác động đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

3. *Đánh giá các mảng hoạt động*

3.1. Hoạt động nghiên cứu và phát triển

Công tác thu thập nguồn gen	Công ty hiện đang phân loại, sắp xếp và khai thác các nguồn vật liệu. Trong năm, Công ty tiếp tục sưu tập, làm giàu, cải tạo và khai thác nguồn gen, đồng thời nhân duy trì thay thế những nguồn bảo quản lâu trong kho.
Hoạt động nghiên cứu Công nghệ sinh học	Đối với bệnh cây:
	– Thanh lọc bệnh DM bắp nếp: 2 dòng kháng cao và 35 cá thể kháng. – Hoàn thành qui trình thanh lọc nấm khô vằn trên bắp nếp, xác định 1 dòng bắp vàng kháng. – Chọn được 47 dòng và 267 cá thể kháng bệnh bạc lá lúa – Xác định tính độc vi khuẩn bạc lá: nguồn Tây Nguyên, Hà Nội, Cờ Đỏ.
	Đối với hoạt động nuôi cấy mô:
	– Phát triển được 48 dòng S1 DHP bắp vàng và bắp nếp; 15 dòng S0 đơn bội kép cho DA lúa lai và 350 dòng S1 cho Dự án lúa thuần. – Hoàn thiện qui trình nuôi cấy bao phấn ớt. – Xác định được 4 cá thể đa bội qua xử lý đa bội dưa hấu bằng Colchicine.
	Đối với Marker
	– Tạo được 3 marker có liên quan đến mức độ kháng đạo ôn cao ở lúa; – Phát triển các marker liên quan đến tính kháng thán thư,sương mai, đốm lá vi khuẩn trên ớt. – Hoàn tất phân tích gene phục hồi, gene kháng bạc lá lúa (Xa7, Xa21), gene thơm của đề tài KC06. – Đánh giá gene kháng bạc lá lúa cho các mẫu lúa Nhị ưu 838 tại Tây Nguyên. – Phát triển được các marker DNA và 1 IEF để đánh giá độ thuần bắp.
Hoạt động nghiên cứu lúa thuần	– So sánh, xác định 5 giống triển vọng về năng suất và tính chống chịu: OM 36, OM 6564, OM 10636, OM 7341 và OM 240. – Tuyển chọn được 7 giống luá Japonica triển vọng từ Nhật và Úc. – Chọn 2 giống IR59606 và OM1490 đột biến triển vọng.
Hoạt động nghiên cứu lúa lai	– Cải thiện tính trạng chịu mặn của 4 dòng bố phổ biến. – Tạo mới 3 dòng CMS có chất lượng cơm gạo ngon, thụ phấn chéo tốt. – Khảo nghiệm rộng chọn 3 giống lúa thuần Nam Ưu (Nam ưu 1247, Nam ưu 1246, Nam ưu 1245).

	– Giống lúa thuần Nam ưu 1404, Nam ưu 1405 cho năng suất tương đương nhưng kháng bệnh bạc lá và chất lượng cơm gạo tốt hơn đối chứng BC15 tại phía Bắc.
Hoạt động nghiên cứu cây màu	Bắp vàng
	– Thanh lọc bệnh khô vằn, xác định được 1 dòng kháng. – Khảo nghiệm nhập nội các giống của Viện Ngô xác định 3 giống triển vọng. – Chọn 8 giống tốt ở ĐNB, 4 giống tốt ở phía Bắc và 3 giống thích nghi rộng.
	Bắp nếp
	– Tạo được 37 tổ hợp lai tốt. Đã chọn 2 dòng kháng; 35 cá thể kháng bệnh DM. – Hội đồng đánh giá của công ty chọn 8 giống bắp nếp triển vọng.
	Nhóm rau đậu OP
	– Chọn 2 giống đậu bắp lai, 01 giống đậu xanh hạt vàng làm giá. – Khảo sát, mô tả đặc tính và làm thủ tục đăng ký bảo hộ giống cà chua Domino 49.
Công tác khảo nghiệm – công nhận giống	– Dự án lúa lai: Khảo nghiệm rộng chọn 2 giống cho Duyên hải Nam Trung bộ, 4 giống lúa thuần và 1 giống lúa lai cho phía Bắc, 1 giống cho vùng lúa tôm. Công nhận sản xuất thử 2 giống Nam ưu 901, NƯ 1245. – Dự án lúa thuần: Xác định 4 giống có triển vọng OM36, 6564, 10636, 7341. – Dự án Màu: Chọn 3 giống bắp nếp (Max68, NSSC162, 536) có chất lượng ngon, sạch bệnh, năng suất cao; 3 giống bắp vàng (SSC601, SSC672, CN13-7) năng suất cao, ổn định, có triển vọng

3.2. Sản xuất và chế biến bảo quản

Về sản xuất	Toàn Công ty triển khai sản xuất các loại giống với diện tích là 4.034,82 ha, tăng 10,5% so với cùng kỳ. Tổng sản lượng hạt giống đạt 14.413,97 tấn, tăng 12,11% so với cùng kỳ, đạt 102,08% Kế hoạch 2014
Về chế biến	– Trong năm 2014, tổng KL giống ở tất cả các công đoạn đạt 46.780 tấn, giảm 4% so CK. Trong đó, công đoạn đóng gói chỉ bằng 71% CK. – KL bắp trái nhập kho tăng 27% so CK. Vụ ĐX 13-14 là năm Cty có KL bắp trái thu hoạch lớn nhất từ trước đến nay. Năng lực sấy trái trên toàn Cty không theo kịp tốc độ tăng của sản xuất, do đó khả năng quá tải và thuê sấy gia công ngoài ngày càng tăng.
Về bảo quản	– Khối lượng tồn kho tăng 67% so CK, bắp và rau tồn kho tăng nhiều nhất chủ yếu là bắp LVN10, rau họ thập tự nhập khẩu. – Tỷ lệ giống suy giảm chất lượng đạt 203 tấn giống các loại, trong đó lúa và bắp chiếm nhiều nhất. – Khối lượng giống bị nhiễm mọt giảm nhiều so CK do: (i) thời tiết lạnh kéo dài lúc đầu năm, (ii) Trạm Cai Lậy đã chia lô nguyên liệu hợp lý nên đã xử lý sớm và hiệu quả, (iii) Cty đã đồng ý không XLT đối với các lô nhiễm mạt < 30 con/kg.
Công tác bảo trì thiết bị	– Chi phí bảo trì, sửa chữa nhỏ toàn Công ty là 920 triệu đồng, giảm trên 40% so cùng kỳ do thiết bị trên toàn Công ty mới vừa được đại tu, nâng cấp trong năm 2014. Việc bảo trì hiệu quả các thiết bị đã giúp cho hoạt động sấy chế biến trong năm qua trên toàn Công ty vận hành suông sẻ. – Công tác đầu tư mới thiết bị cho Củ Chi, Cờ Đỏ làm giảm đáng kể chi phí trực tiếp ở CNCC, rút ngắn thời gian sấy ở Trại Cờ Đỏ. Qua đó cho thấy đầu tư thiết bị cho CBBQ hoàn toàn hiệu quả và phù hợp trong hoàn cảnh khan hiếm lao động hiện nay.

3.3. Công tác bảo trì thiết bị

– Chi phí bảo trì, sửa chữa nhỏ toàn Công ty là 920 triệu đồng, giảm trên 40 % so với cùng kỳ do thiết bị trên toàn Công ty mới vừa được đại tu, nâng cấp trong năm 2014. Việc bảo trì hiệu quả các thiết bị đã giúp cho hoạt động sấy chế biến trong năm qua trên toàn Công ty vận hành suông sẻ. Công tác đầu tư mới thiết bị cho Củ Chi, Cờ Đỏ làm giảm đáng kể chi phí trực tiếp ở CNCC,

rút ngắn thời gian sấy ở Trại Cờ Đỏ. Qua đó cho thấy đầu tư thiết bị cho CBBQ hoàn toàn hiệu quả và phù hợp trong hoàn cảnh khan hiếm lao động hiện nay.

3.4. Quản lý chất lượng

Kiểm định đồng ruộng	– Diện tích kiểm định ruộng toàn Cty, bao gồm diện tích tái kiểm tra là 4.503,4 ha chiếm 103,0% DTSX, giảm 7,3 % so CK. – DT không đạt là 376 ha tăng 168,6% so CK, trong đó DT ruộng hủy là 218,6 ha tăng 154,8% so CK. DT không đạt phần lớn tập trung vào lúa thuần do vấn đề lúa cỏ.
Hậu kiểm độ thuần giống	Hậu kiểm đồng ruộng
	– Thực hiện 126 lô tăng 28,6% so CK, không đạt 20 lô chiếm 17,7% giảm 37,5% so CK. – Chất lượng các giống có cải thiện: bố mẹ lúa lai (BoA, Nhị 32A); dưa hấu F1; HR182 F1.
	IEF/PCR
	– Thực hiện hậu kiểm DNA 58 mẫu gồm bắp bố mẹ, rau bố mẹ và rau F1. – Qua thống kê hồi quy đã xác định được phương trình tương quan giữa hậu kiểm DNA và hậu kiểm đồng ruộng giống dưa hấu AT95, tuy nhiên hệ số tương quan thấp (R=0,62).
Kiểm tra sau thu hoạch	Kiểm tra nhập trái tươi
	– Bắp trái: Khối lượng kiểm tra bắp trái tăng 27,6% so với cùng kỳ. Ẩm độ bình quân trái tăng 1,7% so với cùng kỳ, tăng cả bắp nếp và bắp vàng . – Lúa lai: KL kiểm tra lúa tươi tăng 60% so với cùng kỳ. Công tác thu hoạch, sấy lúa tươi được kiểm soát tốt.
	Kiểm tra đóng gói
	Tỷ lệ lô không đạt tăng cao ở Củ Chi 11,6%, tăng 4,6% so với cùng kỳ, bao gồm không đạt đóng gói thủ công và thiết bị. Đóng gói ở CNTN được kiểm soát tốt hơn, số lô không đạt giảm đáng kể, chỉ còn 2,4%.
Kiểm nghiệm	Kiểm nghiệm **16.926 mẫu** giảm 9,2% so với cùng kỳ. Giảm trên mẫu định kỳ do giảm tần suất lấy mẫu định kỳ mọt và giảm trên mẫu hàng trả lúa thuần.
Chất lượng hạt giống	Chất lượng giống nhập kho
	– KL hạt giống cung ứng không đạt chất lượng là 24,8%, tăng 15% so với cùng kỳ do lúa thuần không đạt lúa cỏ và lụa đỏ và bắp LVN10 không đạt hạt xấu.
	Sức sống hạt giống
	– Thực hiện 208 mẫu, tăng 11,8% so với cùng kỳ. Số lô đạt mức A là 42,8%, giảm liên tục trong 2 năm.
	SPKPH phát sinh
	– SPKPH giảm 13,8% so với cùng kỳ, trong đó chỉ tiêu mọt giảm 14% do thay đổi quy định kiểm soát mọt. – KL giống huỷ giảm 46,4% so với cùng kỳ, chủ yếu trên lúa thuần. – SPKPH chưa xử lý là 565 lô tăng 76% so với cùng kỳ chủ yếu chỉ tiêu ẩm độ và nảy mầm.
ISO	– Mục tiêu- Chỉ tiêu: kết quả đạt 19/26 chỉ tiêu; chưa đạt 07/26 chỉ tiêu. Đánh giá bên ngoài 1 lần và nội bộ HTQLCL 3 lần. – Các phản ánh khiếu nại khách hàng được giải quyết kịp thời. Hiện nay có nhiều phản ánh khiếu nại nhưng không có hồ sơ nên khó đánh giá hết các yêu cầu khách hàng. Trong năm 2014 có 05 khiếu nại liên quan đến chất lượng bao bì và nhãn hàng hóa.

3.4. Kiểm soát nội bộ

- Lập KH và thực hiện kiểm tra và báo cáo tổng kết các hoạt động quản lý 2014 các đơn vị.
- Thu thập hồ sơ, thông tin, đánh giá và báo cáo các vụ việc xảy ra ở Công ty do TGĐ chỉ đạo.
- Tổng hợp báo cáo tháng/sơ kết/tổng kết. Tham giá các đợt đánh giá nội bộ.

4. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý*

- Đầu tư hệ thống chống nhiệt mái kho để giảm nhiệt độ trong bảo quản góp phần duy trì chất lượng hạt giống;
- Sử dụng vật tư bao bì chất lượng tốt để bảo quản giống tốt nhất;
- Xây dựng quy trình bảo quản hợp lý để đảm bảo chất lượng đồng thời giảm chi phí vận chuyển, bảo quản hợp lý;
- Tăng cường giám sát lấy mẫu kho định kỳ để ngăn ngừa thiệt hại trong bảo quản.

Kế hoạch các mặt hoạt động khác

1. Kinh doanh – Tiếp thị

- Tiếp tục cấu trúc lại tổ chức bộ máy tiếp thị và kinh doanh theo hướng phân công người phụ trách nhóm sản phẩm chính, chịu trách nhiệm với Công ty về KH phát triển sản phẩm, doanh thu, tốc độ tăng trưởng hàng năm; đồng thời các Trưởng vùng cần tăng cường thực hiện nhiệm vụ Marketing và phân tích thị trường trong vùng phụ trách.
- Rà soát và chấn chỉnh công tác trình diễn hội thảo và bán hàng của các Chi nhánh từ khâu xây dựng kế hoạch, đồng thời tăng cường giám sát và đánh giá cuối vụ; từng bước phân bổ chức năng bán hàng cho các đơn vị cơ sở.
- Trung tâm CVF cần củng cố tổ chức để đẩy mạnh công tác trình diễn hội thảo hạt giống rau để tạo nhu cầu mua hàng của nông dân bao gồm cả sản phẩm mới và giống đang kinh doanh.
- Rà soát, đánh giá và củng cố hệ thống đại lý, chú trọng quan hệ với Đại lý cấp 2; tăng cường hoạt động chăm sóc khách hàng và giám sát sản phẩm của công ty trên thị trường; đồng thời kiểm soát tốt kế hoạch thu nợ theo chính sách bán hàng.
- Tăng cường phối hợp với các đơn vị khác để tổ chức huấn luyện kỹ năng bán hàng, tiếp thị; các kiến thức về nông học và đặc tính sản phẩm của SSC cho nhân viên kinh doanh trước mỗi vụ bán hàng.

2. Nghiên cứu Phát triển

- Bảo đảm tiến độ hoàn thành Đề tài KC06.11-15 và khai thác kết quả của Đề tài để phát triển bộ giống độc quyền của SSC.
- Tăng cường hoạt động phối hợp và có hiệu quả giữa các bộ phận nghiên cứu và kinh doanh; Phấn đấu trong năm ít nhất có sản phẩm từ hoạt động nghiên cứu lai tạo đưa ra kinh doanh: 2 giống ngô nếp, 2 giống ngô vàng, một giống lúa lai, một giống lúa thuần, một giống đậu xanh và một số giống rau triển vọng.
- Tổ chức lại công tác sản xuất giống bố mẹ, phân công hợp lý giữa SRC và các đơn vị liên quan trong sản xuất giống bố mẹ, tổ chức hội thảo chuyên đề vào tháng 9 hàng năm nhằm đánh giá và xây dựng KH sản xuất.
- Ưu tiên tập trung bố trí trong diện tích đất nội bộ, đảm bảo chất lượng, đầy đủ số lượng và phục vụ kịp thời cho SX; quy hoạch diện tích sản xuất của Trại Lâm Hà phù hợp với định hướng phát triển NC-SX hạt rau, mô hình sản xuất rau thương phẩm, vùng sản xuất hạt giống lúa bố mẹ.
- Chú trọng công tác xây dựng quy trình canh tác phù hợp từng vùng đối với các giống phóng thích.

3. Sản xuất

- Nghiên cứu cách thức cải tiến công tác giao kế hoạch sản xuất cho các đơn vị trực thuộc chủ động bố trí bảo đảm các tiêu chí: đúng, đủ, kịp thời, chất lượng, giá thành hợp lý và thí điểm chọn đơn vị để giao chỉ tiêu tăng trưởng giá trị sản lương và giá thành.
- Xây dựng chiến lược sản xuất giai đoạn 2015-2020 nhằm khai thác triệt để nhu cầu thị trường và nguồn lực hiện có của công ty; tổ chức quy hoạch địa bàn sản xuất ổn định và phù hợp trong từng thời vụ, từng địa bàn nhằm tối ưu hóa tồn kho, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để bảo đảm cung cấp kịp thời nhu cầu kinh doanh; đặc biệt chú ý tổ chức địa bàn sản xuất lúa thuần trong vụ Thu Đông, Đông Xuân sớm, cũng như lúa lai trong vụ mùa để kịp thời đáp ứng các nhu cầu thị trường thay đổi.
- Tổ chức thường xuyên đào tạo, tập huấn cho nhân viên sản xuất kỹ thuật sản xuất lúa lai để đảm trách quy mô diện tích sản xuất ngày càng tăng.
- Tăng cường vai trò và trách nhiệm của nhân viên sản xuất trong khâu tự kiểm định diện tích sản xuất theo quy định; loại bỏ tối đa việc đùn đẩy trách nhiệm cho bộ phận KCS.
- Giải quyết triệt để vấn đề chất lượng: lúa cỏ/đỏ, hạt khác từ khâu sản xuất giống gốc và quy trình chọn ruộng, quy trình canh tác phù hợp. Tăng cường nhận thức cho nhân viên sản xuất quản lý chất lượng giống ngay trong quá trình sản xuất ngoài đồng bằng nhiều biện pháp tập huấn, chế độ thưởng phạt phù hợp.
- Triển khai đánh giá các thử nghiệm các hoạt chất xử lý hạt giống mới trong chế biến hạt giống và ngâm ủ hạt giống để nâng cao tỷ lệ nảy mầm và sức sống của hạt giống.

4. Chế biến Bảo quản

- Tăng cường các biện pháp để bảo quản duy trì chất lượng hạt giống tồn kho và đóng gói cung ứng kịp thời đầy đủ theo yêu cầu kinh doanh; tăng cường giám sát công tác CBBQ để loại bỏ hoàn toàn sản phẩm sản phẩm không phù hợp trước khi xuất bán.
- Cập nhật các thành tựu ứng dụng các phương pháp xử lý & danh mục hóa chất xử lý phù hợp cho từng chủng loại hạt giống để duy trì sức sống tối đa.
- Rà soát đánh giá tình hình bảo trì thiết bị kịp thời để có kế hoạch sửa chữa phù hợp với hoạt động chế biến; theo dõi diễn biến chất lượng các lô hạt giống và kịp thời đề xuất giải pháp xử lý nhằm hạn chế tổn thất.
- Khai thác hiệu quả giải pháp tin học quản lý hàng hóa để lập kế hoạch CBBQ, điều chuyển phù hợp để tránh tồn thất.
- Tăng cường công tác quản lý vật tư bao bì và từng bước triển khai khoán các tỷ lệ sản phẩm đóng gói hư hỏng cũng như vòng quay bao bì tái sử dụng nhằm giảm chi phí.
- Tăng cường công tác an toàn lao động, PCCC trong nhà kho, xưởng; Ban ATLĐ và PCCC công ty phối hợp với các đơn vị cần ban hành các quy định, quy trình quản lý và vận hành thiết bị phù hợp.

5. Quản lý Chất lượng

- Chú trọng kiểm soát chất lượng giống bố mẹ, SNC và phối hợp cung cấp thông tin chất lượng sản phẩm kịp thời cho các đơn vị NC-SX-KD; hỗ trợ cho hoạt động kiểm tra & giám sát chất lượng hàng hóa gửi kho khách hàng.
- Hoàn thiện tài liệu/hồ sơ đăng ký hoạt động phòng thử nghiệm theo Thông tư 08 của Bộ Khoa học & Công nghệ.
- Thiết lập hệ thống cập nhật và lưu trữ dữ liệu kiểm nghiệm tập trung và tạo lập cơ chế cho các đơn vị liên quan truy xuất thông tin về chất lượng sản phẩm.
- Chủ động phối hợp với các Trung tâm Khảo kiểm nghiệm để xây dựng kế hoạch đánh giá kiểm định và kiểm nghiệm đáp ứng yêu cầu của SXKD.

6. Kế hoạch- Đầu tư

- Phối hợp với các đơn vị liên quan để xây dựng chiến lược SX-KD liên quan.

- Chủ động phối hợp với các đơn vị xây dựng nhu cầu đầu tư, xây dựng, sửa chữa lớn bảo đảm hiệu quả và tuân thủ quy định của công ty. Đồng thời bố trí nhân viên theo dõi, giám sát liên tục trong quá trình đầu tư để kịp thời điều chỉnh và bổ sung hợp lý.
- Đối với các hạng mục đầu tư có giá trị trên 200 triệu đồng; P.KHĐT có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị tiếp nhận đầu tư có báo cáo đánh giá và phân tích hiệu quả của đầu tư trong vòng 6 tháng sau khi đưa vào sử dụng; riêng đối với các hạng mục có vốn đầu tư trên 5 tỷ đồng sẽ có quy định riêng.
- Xây dựng đề án quản trị mạng, trang Web và hoàn thành xây dựng trang web mới trong năm 2015.

7. Tài chính – Kế toán

- Cải tiến tổ chức bộ máy hạch toán kế toán – Thống kê để bảo đảm hạch toán kịp thời, chính xác và đúng quy định; bảo đảm cung cấp số liệu nhanh theo ngày/tuần/tháng; và hoàn thành báo cáo tài chính theo đúng quy định của công ty. Xây dựng chế độ thưởng phạt liên quan hoạt động báo cáo tài chính định kỳ;
- Xây dựng hệ thống kế toán quản trị và tổ chức cơ sở dữ liệu phù hợp nhằm cung cấp thông tin chính xác và kịp thời tại Hội sở để đáp ứng yêu cầu quản trị; đồng thời tăng cường giám sát hoạt động tài chính kế toán của các đơn vị trực thuộc nhằm ngăn ngừa sai sót, thiệt hại trong quá trình thực hiện các yêu cầu của SXKD;
- Xây dựng các KH sử dụng nguồn vốn hàng tuần/quý để bảo đảm sử dụng vốn tín dụng hiệu quả và bảo đảm cung cấp đủ nguồn vốn thanh toán thu mua sản phẩm;
- Xây dựng chính sách quản lý nợ, tăng cường công tác kiểm soát nợ của khách hàng. Tăng cường giám sát và kiểm soát việc thực hiện chính sách bán hàng của các đơn vị bảo đảm đúng quy định.
- Hoàn thành đúng hạn hồ sơ Dự trữ quốc gia; thực hiện quyết toán chi phí của các Chương trình/đề tài đúng chế độ chính sách và có hiệu quả.
- Tiếp tục làm việc với cơ quan Thuế để xác định chính sách thuế, tiền thuê đất hàng năm của các đơn vị.
- Tăng cường kiểm tra tài chính, kiểm toán nội bộ trong toàn công ty và các công ty con; Phối hợp với các bộ phận kinh doanh rà soát và xử lý công nợ quá hạn và đề xuất giải pháp.
- Khảo sát và đề xuất các giải pháp nâng cấp phần mềm kế toán kết hợp và tương thích với phần mềm theo dõi tình hình Thu hoạch- chế biến và bảo quản của các đơn vị.

8. Nhân sự - Hành chính

- Bổ sung nhân sự chuyên trách công tác quản lý nhân sự và triển khai đề án Tái cấu trúc tổ chức lần 2; Hoàn chỉnh chính sách nhân sự, chế độ lương; xây dựng các phương án khoán, thưởng; Cải tiến công tác đánh giá thi đua theo các chỉ tiêu KPI đặc trưng cho từng nhóm công việc;
- Cải tiến công tác tuyển dụng, đào tạo, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ của các đơn vị.
- Lập kế hoạch và tổ chức khóa học đào tạo, huấn luyện, tập huấn theo nhiều hình thức đa dạng: tập trung, phân tán phù hợp điều kiện hoạt động của các đơn vị.
- Tăng cường chất lượng công tác quản trị HC-NS của không chỉ tại Hội sở mà phải giám sát được các đơn vị trực thuộc trong việc thực hiện các quy định/quy trình liên quan. Hướng dẫn và giám sát các đơn vị tuân thủ tăng cường sử dụng hệ thống BES để trao đổi thông tin chính thức của toàn công ty.
- Tăng cường hướng dẫn và giám sát việc tuân thủ các thủ tục pháp chế và hệ thống văn bản quy định trong toàn công ty; đặc biệt trong các lãnh vực lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, quản lý đất đai, tài chính, ATLĐ, VSMT, PCCC.
- Rà soát và kiện toàn các quy định liên quan thời gian làm việc ngoài giờ để tăng cường hiệu quả sử dụng theo định hướng nhân sự tinh gọn.

9. Hệ thống ISO & Kiểm soát Nội bộ

- Tăng cường hiệu quả hoạt động quản lý ISO theo tính chất công việc của từng đơn vị, giảm bớt thủ tục hành chính nhưng đồng thời tăng tính chế tài đối với Trưởng đơn vị vi phạm.
- Chấn chỉnh công tác nhân sự & tổ chức hoạt động kiểm soát nội bộ theo hướng tập trung, chuyên sâu và liên tục theo quá trình hoạt động phù hợp nguồn lực hiện tại nhằm hỗ trợ cho công tác điều hành của toàn công ty

5 Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

5.1. Về hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản

- Tổng chi phí đầu tư thực hiện các hạng mục năm 2014 là 18,5 tỷ đồng, đạt 50,62% kế hoạch, mức thực hiện thấp là do một số hạng mục đang thực hiện (thủ tục mua bản quyền giống) hoặc đang triển khai xây dựng và lắp đặt (thiết bị đóng gói bao bì văn phòng chi nhánh Hà Nội). Cụ thể:

TT	ĐẦU TƯ TẠI CÁC ĐƠN VỊ	Tổng mức đầu tư 2014 (*Triệu đồng*)	Thực hiện cả năm 2014 (*Triệu đồng*)
1	Trại Giống cây trồng Cờ Đỏ	1.914,85	1.274,05
2	Trại Giống cây trồng Lâm Hà	75,00	79,00
3	Trung tâm NC GCT MN (SRC)	1.220,00	287,04
4	Trạm Giống cây trồng Củ Chi	1.550,00	951,58
5	Trạm Giống cây trồng Cai Lậy	790,00	313,50
6	CN Hà Nội	7.155,00	1.455,25
7	CN Miền Trung	705,00	470,72
8	CN Tây Nguyên	290,00	0
9	DAĐT Nhà máy Trà Vinh	14.472,00	12.204,69
10	Trung tâm giống Rau-Hoa (CVF)	1.492,73	141,64
11	Trụ sở Công ty	6.920,00	1.342,91
	TỔNG CỘNG	**36.584,58**	**18.520,37**

- Khu đất tại Huyện Củ Chi (nhận chuyển nhượng từ East-West) đang chờ xác định đơn giá thuê để ký hợp đồng thuê đất
- Khu đất tại Huyện Hóc Môn (nhận chuyển nhượng từ East-West) tiếp tục xử lý việc chấp thuận của UBND Huyện.
- Khu đất nghiên cứu Ngô (Gò Nổi - An Nhơn Tây – Củ Chi), Công ty đã nộp hồ sơ theo Công văn số 6502 của UBND TP.HCM (UBND đã có có ý kiến về đường dây cao thế 500 KV đi qua khu đất, Sở TN & MT TP.HCM đã có ý kiến về hệ thống thoát nước khu đất, đo đạc bản đồ (có phê duyệt của Sở TNMT), đã cập nhật, sang tên Giấy CNQSđất cho Sở TN& MT để trình UBND TP.HCM ra quyết định cho thuê/hoặc giao đất theo quy định;
- Dự án liên doanh xây dựng Trung tâm Thương mại - Văn phòng - Căn hộ tại 282 Lê Văn Sỹ, Phường 1, Quận Tân Bình, TP.HCM. Ngày 03/9/2014, SSC đã ký kết liên doanh góp vốn 25% với đối tác Công ty Phát triển Nhà DaeWon Thủ Đức (thay thế cho đối tác nước ngoài), các điều khoản giá trị đất không thay đổi, hiện đang trong giai đoạn nộp hồ sơ xin Giấy phép đầu tư.

6 Kế hoạch phát triển năm 2015

Một số chỉ tiêu kế hoạch chính *(Công ty mẹ)*

STT	CHỈ TIÊU	KH 2015
1	Doanh thu thuần	716.921.632.468
2	Lợi nhuận trước thuế từ hoạt động kinh doanh	101.469.349.545
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	94.417.365.195
4	Cổ tức 25%VĐL (149.923.670.000)	37.480.917.500

TỔNG GIÁM ĐỐC

Hàng Phi Phương

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BAN KIỂM SOÁT
*****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

***Kính gửi*: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam**

- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC).
- Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát năm 2014 & nhiệm kỳ (2010-2014) như sau:

I. Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2014:

Ban Kiểm soát thực hiện công tác kiểm soát theo Nghị quyết ĐHCĐ năm 2014 đã ban hành, kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh tại VP, Chi nhánh Hà Nội, trên cơ sở hồ sơ tài liệu chứng từ kế toán, qua đó BKS đưa nhận xét kiến nghị, về những việc làm được và chưa làm được, gởi đến HĐQT, Ban Điều hành Cty, nhằm tăng cường công tác quản trị và có định hướng điều chỉnh công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh được tốt hơn.
Cụ thể;

- Kiểm soát báo cáo tài chính hàng quý, bán niên, năm 2014
- Kiểm soát quá trình thực hiện kế hoạch SXKD, Đầu tư XDCB.
- Kiểm soát việc thực hiện các qui định, Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Kiểm soát việc chấp hành chính sách theo qui định của pháp luật đối với công ty Đại chúng niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán.

BKS tổ chức hoạt động phân công trách nhiệm nhằm định hướng đưa ra kế hoạch làm việc của thành viên, từng thành viên đề ra phương pháp soát xét, nội dung kiểm soát trên lĩnh vực được giao cho từng đơn vị của SSC (Văn phòng, Chi nhánh, Trạm Trại), cụ thể các nội dung kiểm soát như sau;

1. **Kiểm soát công tác lập Báo cáo tài chính năm 2014**:

- Báo cáo tài chính được lập và đã được đơn vị kiểm toán kiểm và xác nhận theo đúng quy trình.
- Công ty thực hiện lập báo cáo tài chính hàng quý, năm, công bố thông tin báo cáo tài chính theo đúng qui định của pháp luật.
- Báo cáo tài chính năm 2014 hạch toán trung thực phản ảnh đầy đủ về kết quả hoạt động kinh doanh, về nguồn vốn, tài sản, báo cáo lưu chuyển tiền tệ rõ ràng phù hợp với chuẩn mực kế toán.
- Công ty hạch toán kế toán theo các chuẩn mực kế toán hiện hành.
- Sổ sách kế toán, chứng từ hạch toán và lưu giữ đúng qui định chế độ kế toán đã ban hành.
- Công tác theo dõi khoản nợ phải thu, phải trả thực hiện thường xuyên định kỳ hàng tháng, quý, có lập bảng đối chiếu công nợ từng khách hàng đại lý.
- Ban Kiểm soát thống nhất báo cáo và thư kiểm toán của đơn vị kiểm toán E&Y.

2. Kiểm soát Kế hoạch đầu tư XDCB:

- Thực hiện Nghị quyết ĐHCĐ năm 2013, Công ty đã triển khai công tác đầu tư xây dựng cơ bản mua sắm trang thiết bị phục vụ SXKD cho các Trạm/Trại/Chi nhánh theo kế hoạch đã đươc ĐHCĐ thông qua.
- Hạng mục Nhà máy Chế biến GCT Trà Vinh triển khai trong năm đã hoàn thành đưa vào sử dụng.

3. Kiểm soát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Hội đồng cố vấn.

- Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2013 được HĐQT triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung đại hội đã thông qua tuy nhiên kết quả hoạt động SXKD với chỉ tiêu trọng yếu về doanh thu, lợi nhuận thực hiện chưa đạt kế hoạch.
- Hội đồng Cố vấn (HĐCV): Theo Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐCV, hoạt động của HĐCV còn hạn chế chưa mang tính đột phá cũng như các đóng góp ý kiến cần mang tính khả thi thực tiễn hơn sắc sảo hơn nhằm hiện thực các chuyên đề mang lại hiệu quả cho sự phát triển của SSC.

II. KIỂM SOÁT BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2014;

1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014, chỉ tiêu trọng yếu.

(ĐVT : Triệu đồng)

S TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	So sánh 2014/2013 (%)	Thực hiện So sánh với Kế hoạch 2014 (%)
1	Doanh thu thuần	598.275	601.961	705.165	100,6%	85,4%
2	Lợi nhuận trước	78.729	87.434	99.732	111%	87,67%
3	Lợi nhuận sau thuế	78.198	87.484	94.411	111,9%	92,66%

Chỉ tiêu Doanh thu, Lợi nhuận sau thuế năm 2014 tăng trưởng so với năm trước nhưng so với kế hoạch được Nghị quyết ĐHĐCĐ đã đề ra đều chưa đạt.

2. Kiểm soát các chỉ tiêu của Báo cáo tài chính năm 2014:

a. *Về Hàng hóa nguyên liệu tồn kho*:

Hàng tồn kho: Đầu kỳ 190,073 tỷ đồng số cuối năm 180,098 tỷ đồng tương đương với cùng kỳ, đây chủ yếu là lượng hàng chuẩn bị cho vụ mùa năm 2015.

b. *Nợ phải thu*:

Dư nợ phải thu khách hàng đến cuối năm 2014 là 134,191 tỷ đồng, tăng 20,1% so với cùng kỳ, do đặc thù ngành giống (Nông nghiệp) sản xuất theo thời vụ, các khoản nợ nằm trong tầm kiểm soát của Công ty, tuy nhiên Công ty cần có phương pháp, thực hiện tốt chính sách bán hàng đối chiếu công nợ và thu hồi công nợ nhằm hạn chế các rủi ro.

c. *Về luân chuyển tiền tệ*: Tiền và các khoản tương đương tiền số cuối kỳ: 66,876 tỷ đồng, tỷ trọng: 12,58 % trên tổng tài sản, tăng so với số đầu năm điều này thể hiện nguồn tài chính ổn định của công ty.

d. *Nhận xét về kết quả hoạt động SXKD*:

- Năm 2014 kế hoạch Doanh thu lợi nhuận thực hiện không đạt như nghị quyết ĐHCĐ đã đề ra một phần cũng do công tác lập và xây dựng kế hoạch chưa sát với thực tế, kế hoạch tăng nhưng năng suất lao động, nhân lực chưa kiện toàn, chưa có chính sách thu hút nhân sự trình độ cao, giỏi, khoa học công nghệ trong sản xuất chưa có bước đột phá.
- Hoạt động marketing dự báo thị trường chưa chính xác, một số chủng loại hạt giống rau, lúa nếp chưa cung đủ cho thị trường phía bắc, cần có nhiều sản phẩm mang thế mạnh của SSC đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người (nông dân) sử dụng.

- Về khách quan: Tình hình SX ngành nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, nguyên liệu hạt giống cung ra thị trường không như kỳ vọng, thị trường cạnh tranh gắt gao giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước.
- Công tác bán hàng, cần chú trọng về năng lực của các Đại lý, trong năm giá trị hàng bán trả lại khá lớn 35,068 tỷ đồng tỷ lệ 5,2% trên Doanh thu gộp.

3. **Nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất;**

(SSC; Công ty CP Cơ khí SSE; Công ty CP XNK An Nam)

Báo cáo tài chính hợp nhất SSC năm 2014.

(ĐVT : Triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2013	Thực hiện 2014	Kế hoạch 2014	So sánh thực hiện 2014/2013 (%)	Thực hiện So Hoạch 2014(%)
1	Doanh thu thuần	603.080	608.625	710.000	100,9%	85,72%
2	Lợi nhuận gộp	160.733	190.717	-	18,65%	-
3	Lợi nhuận trước thuế	77.336	86.227	-	11,50%	-
4	Lợi nhuận sau thuế	76.999	86.540	95.000	112,4%	91,09%

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2014 chỉ tiêu Doanh thu, chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế hợp nhất của công ty đều chưa đạt kế hoạch của Nghị quyết ĐHCĐ đã đề ra, Nguyên nhân công ty mẹ SSC như đã nêu, công ty CP Cơ khí SSE (83,4% cp) năm 2014 đã dừng hoạt động chờ giải thể theo luật phá sản, Công ty CP GCT Nam An (*70% cổ phần)* hoạt động chủ yếu là kinh doanh sản phẩm giống hiệu quả chưa cao.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam năm 2014.

Trân trọng!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N:0302634883-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
Q.TÂN BÌNH-T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HOÀNG CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
---oOo----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC
------oOo-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2010 – 2014 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2015 – 2019

***

Nhiệm kỳ 2010-2014 là nhiệm kỳ thứ ba của HĐQT Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam; Trong 5 năm qua, hoạt động SXKD của Công ty đã có một số thành tựu: Duy trì tốc độ phát triển theo kế hoạch; hoạt động minh bạch và an toàn, hoàn thành kế hoạch lợi nhuận và bảo đảm mức cổ tức hàng năm; Năm 2010 Công ty đã tách cổ phiếu thưởng để nâng vốn điều lệ từ 100 tỷ đồng lên 150 tỷ đồng; Tháng 8/2012 được công nhận là Doanh nghiệp Khoa học công nghệ; Tháng 10/2013 Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã phong tặng Huân chương Độc lập hạng Ba.

Thay mặt Hội đồng Quản trị tôi xin báo cáo với Đại hội kết quả hoạt động của nhiệm kỳ, đồng thời xác định phương hướng nhiệm vụ chủ yếu cho nhiệm kỳ sắp tới 2015-2019 nhằm thúc đẩy hơn nữa sự phát triển của Công ty.

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH:

- Biến đổi khí hậu toàn cầu làm cho thời tiết diễn biến bất thường như hạn hán, bão lũ gây tác động lớn đến sản xuất nông nghiệp.
- Khủng hoảng kinh tế thế giới giai đoạn 2010-2014 đã tác động đến nền kinh tế nhiều quốc gia và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.
- Hội nhập kinh tế toàn cầu tạo ra nhiều cơ hội, đồng thời doanh nghiệp cũng phải vượt qua nhiều thách thức để tồn tại và phát triển.
- Giá nông sản biến động ảnh hưởng đến nhu cầu hạt giống các loại không ổn định;
- Tình hình cạnh tranh mạnh trên thị trường hạt giống, nhất là sự tăng cường tiếp thị của các công ty giống nước ngoài và sự chuyển đổi kinh doanh ngành giống của một số công ty trong nước.
- Nguồn nhân lực còn chưa đáp ứng đủ theo yêu cầu phát triển của công ty.

Đứng trước bối cảnh trên, hoạt động SXKD của Công ty có những thuận lợi và khó khăn sau:

1. Thuận lợi:

- Sự hỗ trợ và chỉ đạo kịp thời của Bộ NN & PTNT đã tạo nhiều thuận lợi cho Công ty thực hiện tốt công tác hoạch định và thực hiện kế hoạch SXKD.
- Sự hợp tác và hỗ trợ có hiệu quả của các Tổ chức trong việc hợp tác nghiên cứu, hoạt động khuyến nông.
- Nhu cầu về hạt giống chất lượng cao cho sản xuất ngày càng gia tăng; khuyến khích Doanh nghiệp tăng cường đầu tư hoạt động nghiên cứu.
- Thương hiệu SSC có vị thế mạnh trên thị trường và luôn được sự tín nhiệm của người tiêu dùng.
- Các sản phẩm mới do Công ty chọn tạo được thị trường chấp nhận, đã góp phần duy trì thị phần và gia tăng doanh thu, lợi nhuận.
- Các dự án đầu tư mở rộng cơ sở hạ tầng đã đi vào hoạt động ổn định đã nâng công suất chế biến hạt giống, đảm bảo cung ứng kịp thời hạt giống theo yêu cầu thị trường.
- Công ty có đội ngũ cán bộ nhân viên có kinh nghiệm và đội ngũ kế thừa đã từng bước đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ; lực lượng công nhân lành nghề được duy trì.

2. Khó khăn:

- Thời tiết hàng năm diễn biến thất thường như hạn hán, bão lũ, dịch bệnh,.. ảnh hưởng đến quá trình sản xuất hạt giống, làm giảm năng suất cây trồng và gia tăng giá thành hạt giống.
- Giá vật tư nông nghiệp, lao động phổ thông tăng cao, chi phí sản xuất, chi phí vận chuyển tiếp tục tăng dẫn đến phải tăng giá thu mua nguyên liệu của hầu hết các loại hạt giống.
- Một số sản phẩm hạt giống sản xuất hoặc dự trữ không đầy đủ, kịp thời làm cho việc bán hàng bị gián đoạn, làm mất đi cơ hội kinh doanh và ảnh hưởng đến hoạt động phát triển thị trường.
- Tình hình chất lượng một số sản phẩm chưa đạt tiêu chuẩn làm tăng chi phí xử lý.
- Tình hình cạnh tranh về thị trường và vùng nguyên liệu giữa các công ty ngày càng gay gắt.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2010-2014:

Trong nhiệm kỳ 2010-2014, Công ty đã đạt được những kết quả chủ yếu về các mặt hoạt động sau đây :

- Năm 2010 hoàn thành việc phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và bán cho CBNV để tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng.
- Thành lập Chi nhánh Cambodia, Văn phòng đại diện Lào, Chi nhánh, Trung tâm Giống Rau Hoa (CVF), Nhà máy chế biến hạt giống Trà Vinh.
- Công tác nghiên cứu phát triển đã được định hướng phù hợp với yêu cầu của sản xuất và năng lực của Công ty, đã sưu tập thêm nhiều nguồn gen, đã chọn tạo và đưa vào sản xuất kinh doanh nhiều giống lai mới. Cụ thể:
  - ✓ giống mới được công nhận chính thức: gồm giống lúa lai (HR182, CNR02) và giống bắp lai (SSC2095, SSC131, SSC557, SSC586); lúa thuần: ĐB18 và một số giống đã được Hội đồng công nhận giống (do Cục Trồng trọt thành lập) đã chấp thuận: OM8017, VN121.
  - ✓ giống mới được công nhận sản xuất thử: gồm Ngô SK100, lúa Bắc thơm 9 và một số giống đã được Hội đồng công nhận giống (do Cục Trồng trọt thành lập) đã chấp thuận: lúa OM5953, lúa lai Nam ưu 901
  - ✓ giống/dòng được cấp bằng bảo hộ: gồm.
  - ✓ giống rau đã đưa vào kinh doanh.
- Đã xây dựng được địa bàn sản xuất giống lúa lai tại DakLak, Hậu giang, Cần Thơ; giống bắp lai tại Trà Vinh và có chính sách vùng nguyên liệu phù hợp có thể đáp ứng được yêu cầu mở rộng sản xuất hạt giống của Công ty trong thời gian tới.
- Đã xây dựng thêm nhà xưởng và tăng cường năng lực sấy, chế biến hạt giống của Công ty đáp ứng đủ công suất sấy-chế biến.
- Công tác hạch toán kế toán, kiểm toán độc lập đều được thực hiện đầy đủ, minh bạch và đúng quy định.
- Chính sách tiếp thị và bán hàng của Công ty được thường xuyên điều chỉnh đáp ứng theo yêu cầu của thị trường.
- Công tác tin học quản lý bước đầu đã được thiết lập góp phần tăng cường công tác quản trị của toàn công ty.

Những hoạt động nêu trên đã góp phần mang lại kết quả doanh thu và lợi nhuận của Công ty trong 5 năm 2010 - 2014 như sau:

1. Tốc độ tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận năm 2010-2014.

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	2010	2011	2012	2013	2014
Doanh thu thuần	281.532	378.993	445.999	598.275	601.962
Giá vốn	175.871	236.195	300.942	440.994	417.569
Lãi gộp	105.661	142.798	145.057	157.281	184.393
Chi phí QL và bán hàng	45.102	69.636	65.642	75.046	95.001
Lợi nhuân trước thuế	63.231	71.999	79.472	78.729	87.434
Lợi nhuận sau thuế	50.358	57.468	67.206	78.198	87.485
Cổ tức	15%	20%	20%	30%	30%

(Biểu đồ so sánh DT thuần, LNTT, LNST 2010-2014):

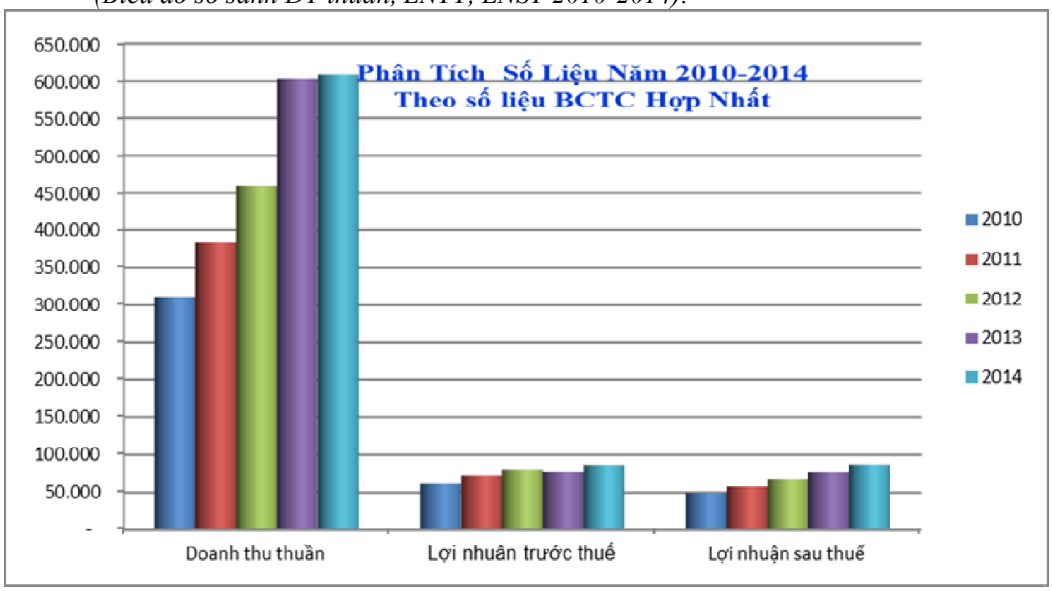

Kết quả trên cho thấy trong 5 năm qua, tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm của các chỉ tiêu chủ yếu: doanh thu tăng bình quân 19%; lợi nhuận trước thuế tăng 9%; lợi nhuận sau thuế tăng 12% (do được ưu đãi thuế TNDN trong năm 2013-2014 đối với Doanh nghiệp Khoa học công nghệ được Sở KHCN Tp.HCM công nhận từ tháng 8/2012).

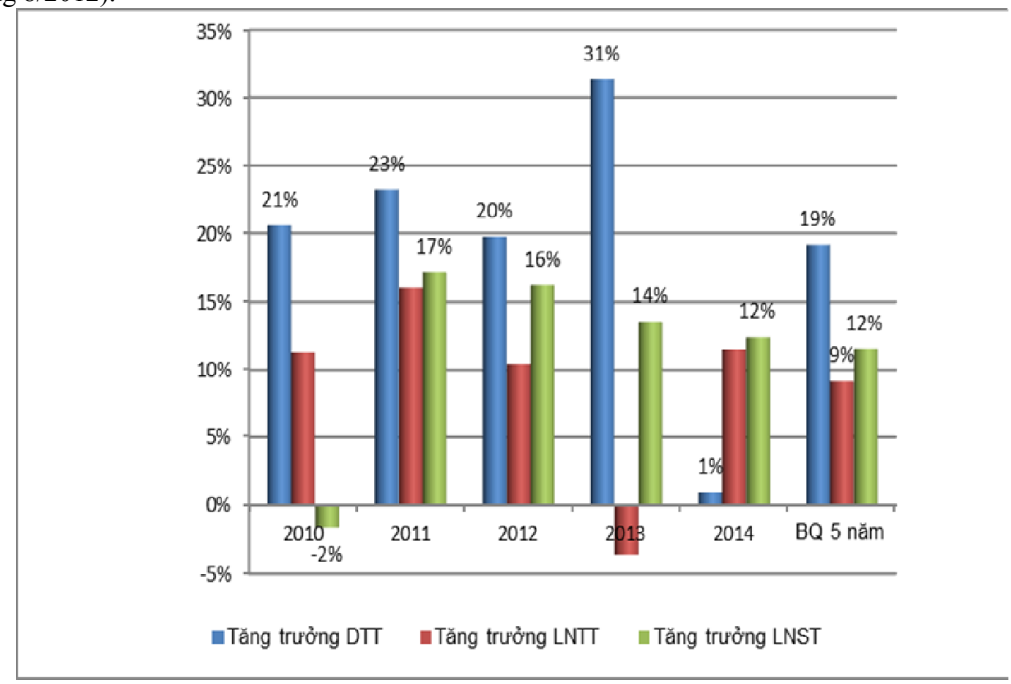

2. *Tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (2010-2014)*

(Đơn vị tính: triệu đồng)

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 5 năm 2010-2014	Thực hiện 5 năm 2010 -2014	So sánh TH/KH (%)
1	Doanh thu thuần	2.566.032	2.306.761	90%
2	Lợi nhuận trước thuế	426.884	380.865	89%
3	Lợi nhuận sau thuế	341.507	340.715	100%

Kết quả trên cho thấy trong nhiệm kỳ 5 năm qua:

- Tổng doanh thu thuần thực hiện lũy kế là 2.306,761 tỷ đồng, đạt 90% kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế thực hiện lũy kế là 380,865 tỷ đồng, đạt 89% kế hoạch.

- Tổng lợi nhuận sau thuế thực hiện lũy kế là 340,715 tỷ đồng, đạt 100% kế hoạch.
- Cổ tức vẫn duy trì liên tục ở mức cao trên 25%/năm.

3. Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư - XDCB năm 2010 – 2014:

Tổng chi phí Đầu tư XDCB và thiết bị nhiệm kỳ 2010 – 2014 là **107.797, 34 triệu đồng,** đạt 78,84 % so với kế hoạch, chi tiết như sau:

1. Phân tích theo từng đơn vị

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên dự án đầu tư	Tổng cộng			Nguyên nhân
		KH	TH	Chênh lệch	
1	Trại GCT Cờ Đỏ	12.942,28	9.630,88	3.311,40	Giảm chi phí đầu tư
2	Trại GCT Lâm Hà	10.303,56	5.871,07	4.432,49	Chưa triển khai hệ thống nhà lưới
3	Trung tâm Nghiên cứu GCT Miền Nam (SRC)	11.510,57	3.696,78	7.813,79	Chưa triển khai HT nhà lưới
4	Trạm GCT Củ Chi	7.000,79	14.538,14	(7.537,35)	HĐQT phê duyệt mua lô đất An Nhơn Tây
5	Trạm GCT Cai Lậy	2.972,55	2.038,76	933,78	Đang thực hiện
6	Chi nhánh Hà Nội	7.755,00	2.067,65	5.687,35	Đang trang bị hệ thống đóng gói tự động, sữa chữa văn phòng
7	Chi nhánh Miền Trung	5.548,00	4.846,32	701,68	Giảm CP đầu tư do mua lại cơ sở khác
8	Chi nhánh Tây Nguyên	2.423,17	1.463,20	959,97	Giảm hạng mục đầu tư
9	Nhà máy Trà Vinh	14.472,00	12.204,69	2.267,31	Đang thanh quyết toán
10	Trung tâm Giống Rau Hoa (CVF)	29.499,73	28.148,64	1.351,09	Đang thực hiện
11	Trụ sở chính Công ty	32.297,34	23.291,21	9.006,13	Đang thực hiện mua Bản quyền giống,
	Tổng cộng	**136.724,99**	**107.797,34**	**28.927,65**	

2. Phân tích theo từng nhóm hạng mục đầu tư:

ĐVT: Triệu đồng

TT	NHÓM HẠNG MỤC	Kế hoạch	Tỷ trọng KH	Thực hiện	Tỷ trọng TH	Chênh lệch	Ghi chú
1	Đất đai, nhà xưởng, vật kiến trúc	87.223,04	64%	75.730,66	70%	11.492,38	
2	Máy móc thiết bị	20.633,62	15%	13.581,75	13%	7.051,87	
3	Phương tiện vận chuyển	14.214,08	10%	9.238,19	9%	4.975,89	
4	Mua bản quyền giống	9.000,00	7%	5.050,00	5%	3.950,00	
5	Sửa chữa, khác	5.654,25	4%	4.196,73	4%	1.457,51	
	Tổng cộng	**136.724,99**	100%	**107.797,34**	100%	**28.927,65**	

Trong đó: các hạng mục đầu tư XDCB chủ yếu đã thực hiện:

1. Đất đai, nhà xưởng và vật kiến trúc

- Mua thanh lý toàn bộ nhà xưởng và máy móc thiết bị Công ty East – West: (i) Hóc môn diện tích đất 3.000

m^2, trong đó có 1.000 m^2 nhà kho + nhà làm việc; (ii) Củ Chi: diện tích đất 25,4 ha, trong đó có khoảng 2.800 m^2 nhà xưởng, 1.354,3 m^2 Văn phòng và nhà R&D.

- Mua 04 ha đất nghiên cứu Ngô tại xã An Nhơn Tây, huyện Củ Chi, TP.HCM
- Mua nhà kho Công ty Cường Thành (giáp với Trạm Củ Chi) tại xã Phước Thạnh huyện Củ Chi, TP.HCM để mở rộng Trạm Củ Chi: diện tích đất 5.154,9 m^2, trong đó có 1.861,2 m^2 nhà kho và 96,3 m^2 nhà nghỉ công nhân.
- Xây dựng mới Nhà máy Trà Vinh: 1.860 m^2 nhà máy + nhà kho; 128 m^2 nhà làm việc.
- Xây dựng mới Nhà kho Cờ Đỏ: 1.800 m^2 nhà kho; 300 m^2 nhà bao che lò sấy
- Xây dựng mới Trại Lâm Hà: 912,24 m^2 nhà máy + nhà kho+ nhà bao che lò sấy; 261,68 m^2 nhà làm việc, 220,48 m^2 nhà tập thể, nhà sơ chế, bảo vệ.
- Mua nhà xưởng của Công ty CP Bông vải miền trung để thành lập Chi nhánh Miền Trung: diện tích đất 12.274 m^2, trong đó có 14 m^2 nhà bảo vệ, 441 m^2 nhà làm việc, 108 m^2 nhà làm việc + ở, 1.690 m^2 nhà xưởng và 250 m^2 nhà sấy.
- Xây mới nhà kho tại Trạm Cai Lậy diện tích 480 m^2.
- Nâng công suất Trạm biến áp ở Trại Cờ Đỏ lên 320 kVA; xây kho mát 180 m^2, lắp đặt cân xe ô tô 80 tấn tại Trạm Củ Chi; lắp dựng nhà màng 804 m^2 tại Trại Lâm Hà; xây mới hàng rào dài 190 md và 150 m^2 đường ra lò sấy tại Chi nhánh Miền Trung.

2. Máy móc, thiết bị

- Nhà máy Trà Vinh: lắp đặt 04 bin sấy tổng công suất 200 tấn bắp/mẻ; 01 hệ thống chế biến hạt giống công suất 03 tấn/giờ; 02 máy lấy bắp và các băng tải chuyên dùng.
- Máy sấy: 07 bin sấy công suất 280 tấn; 04 bin sấy công suất 30 tấn (lúa);
- Chế biến: 02 hệ thống chế biến 06 tấn/giờ; máy xử lý polymer; 02 Sàng phân ly TLR PL7; 01 Sàng phân ly TLR PL5; 02 sàng chế biến TQ công suất 03 tấn/giờ; 01 hệ thống cân hạt sau lấy 50 kg; 01 máy lấy bắp; 01 máy sấy hạt rau và nhiều băng tải ngang, nghiêng.
- Đóng gói: 02 hệ thống cân đóng gói tự động (TQ); 02 máy in date; 02 cân điện tử tự động (từ 10 – 50 kg/bao);
- Thiết bị CNSH: thiết bị Phytotron; máy điện di, máy ly tâm, máy khuấy từ gia nhiệt, máy trộn mẫu, máy PCR, kính hiển vi, …
- Thiết bị Lab: 02 máy đo ẩm độ (SB900); 05 tủ sấy; 03 máy đo ẩm độ (Kett).

3. Phương tiện vận chuyển

- Mua 04 xe ô tô Fortuner; 01 xe bán tải Hilux 3.0; 02 xe bán tải 2.5; 01 xe ô tô tải 1,25 tấn; 02 xe ô tô tải 1,4 tấn; 01 xe ô tô tải 3,5 tấn; 02 xe ô tô tải 4,5 tấn; 01 xe nâng 2,5 tấn.

4. Mua bản quyền giống

- Mua 01 bản quyến giống ngô: SK 100,
- Mua 05 bản quyền giống lúa: VN121, OM 5953, OM 8017, ĐB 18, Bắc thơm 9.

5. Sửa chữa, khác

- Sửa chữa nhà kho, nhà làm việc và máy móc thiết bị.

a. Thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, ngày 03/09/2014 Công ty đã tiến hành tái ký kết hợp đồng liên doanh với Công ty Liên doanh Phát triển nhà Daewon- Thủ Đức House (là đơn vị có 60% vốn được đóng góp từ Công ty Daewon) để hợp tác phát triển dự án 282 Lê Văn Sỹ. Tên của công ty liên doanh là **Công ty TNHH Phát triển nhà Cantavil** có vốn điều lệ 4.500.000 USD; Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam góp 25% vốn điều lệ tương đương 1.125.000 USD bằng một phần giá trị quyền sử dụng đất tại 282 Lê Văn Sỹ, quận Tân Bình, Tp.HCM.

b. Phần chênh lệch giá trị đất góp vốn (8.563.390 USD) và phần góp vốn liên doanh là 7.438.390 USD (chưa thực hiện nghĩa vụ thuế) có KH mua lại văn phòng hoạt động của Hội sở Công ty.

4. Hoạt động đầu tư tài chính:

Thực hiện Nghị quyết HĐQT mua cổ phiếu quỹ; tính đến 31/12/2014 còn tồn 61.412 CP quỹ.

5. Về quản lý vốn:

- Cơ cấu cổ đông của Công ty tính đến ngày 23/03/2015: NSC: 40,1%, SSI: 19,8%, SCIC: 18,57%, cổ đông nội bộ 5,02%, trong đó tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài 4,21%.
- Công tác bảo toàn và phát triển vốn qua các năm:

(*ĐVT: ngàn đồng)*

Tính đến ngày:	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu	Tốc độ tăng trưởng Vốn CSH (%)
31-12-09	100.000.000	172.682.610	
31-12-10	149.923.670	206.708.401	120%
31-12-11	149.923.670	228.419.275	111%
31-12-12	149.923.670	266.187.262	117%
31-12-13	149.923.670	300.006.466	113%
31-12-14	149.923.670	373.939.901	125%

Kết quả trên cho thấy sau 5 năm 2010-2014, vốn chủ sở hữu đến 31/12/2014 là **373,939 tỷ đồng,** tăng gấp 2 lần so với thời điểm 01/01/2010.

6. Phân tích một số chỉ số tài chính:

Nhìn lại chặng đường thực hiện nhiệm kỳ 5 năm qua, hoạt động SXKD của Công ty đã có những bước phát triển đáng kể. Các chỉ số tài chính để đánh giá tình hình hoạt động của Công ty như cơ cấu tài sản, cơ cấu nguồn vốn, khả năng thanh toán, tỷ suất sinh lời đều khả quan.

Chỉ số tài chính	2010	2011	2012	2013	2014
1-Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn					
* Bố trí cơ cấu tài sản :					
- Tài sản cố định / Tổng tài sản (%)	24.11%	23.67%	16.68%	22.56%	22.81%
- Tài sản lưu động / Tổng tài sản (%)	75,89%	76,33%	83,32%	77,44%	77,19%
* Bố trí cơ cấu nguồn vốn					
- Nợ phải trả/ Tổng nguồn vốn (%)	19,67%	26,61%	36,47%	35,23%	29,63%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn (%)	80,33%	73,39%	63,53%	64,77%	70,37%
2-Khả năng thanh toán					
- Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	4,04	2,92	2,32	2,22	2,62
- Khả năng thanh toán nhanh (lần)	2,41	1,75	0,95	0,97	1,36
- Khả năng thanh toán bằng tiền mặt (lần)	1,27	0,85	0,28	0,16	0,43
3-Tỷ suất sinh lợi					
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	22.46%	19,00%	17,82%	13,16%	14,52%
- Tỷ số lợi nhuận trước thuế/ Tổng tài sản	24.57%	23,13%	18,97%	16,99%	16,45%
- Tỷ số LN trước thuế/ Nguồn vốn chủ sở hữu	30.59%	31,52%	29,86%	26,24%	23,38%

- Tỷ trọng bình quân Vốn cố định 20%, VLĐ 80% phù hợp xu thế tăng đầu tư thêm cơ sở vật chất.
- Tỷ lệ nợ phải trả/tổng nguồn vốn bình quân 30% là phù hợp khả năng thanh toán nợ và hiệu quả sử dụng đòn cân nợ.
- Khả năng thanh toán nhanh được cải thiện qua các năm có xu thế lớn hơn 1,5 lần chứng tỏ tính ổn định trong thanh toán.
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/ doanh thu bình quân 16,5% do cơ cấu doanh thu bắp lai còn chiếm trên 50% doanh thu, xu hướng sẽ giảm khi tăng tỷ trọng cơ cấu doanh thu nhóm sản phẩm: lúa thuần trong thời gian tới.

7. Phát triển thị trường và sản phẩm:

a. Phát triển thị trường:

- Thị trường trong nước: trong 5 năm qua, công ty đã duy trì ổn định thị phần bắp vàng và bắp nếp 20%; thị phần lúa lai khoảng 5% do cạnh tranh hàng nhập khẩu và một số sản phẩm sản xuất không đủ nhu cầu; Phát triển nhanh doanh thu hạt rau từ năm 2016 với mục tiêu đạt tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng doanh thu. Trong giai đoạn 2015-2019 phấn đấu tăng thị phần Lúa thuần 5%, lúa lai lên 10% và hạt rau chiếm tỷ trọng 7% trong cơ cấu doanh thu của công ty.
- Thi trường nước ngoài: củng cố hoạt động Chi nhánh Cambodia và văn phòng đại diện Lào để phát triển các sản phẩm ngô, lúa, hạt rau của SSC. Ngoài ra hợp tác với PAN để thành lập công ty liên doanh tại Myanmar để phát triển giống ngô, lúa.

b. Phát triển sản phẩm: Một số sản phẩm mới của Công ty có nhiều triển vọng trong kinh doanh như:
   - Bắp vàng: SK100, SSC601, SSC672, C919 (nhượng quyền).
   - Bắp nếp lai: NSSC536, NSSC121, NSSC162, CX247,
   - Lúa lai: HR182, Phúc ưu 868, Nam Ưu 209, Nam ưu 901, KC06-1, KC06-2.
   - Lúa thuần: VN121, DB18, BT9, OM5953, OM8017, SR1245 và một số giống nhượng quyền khác...
   - Hạt rau: các giống nhập nội chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

8. Hệ thống quản lý chất lượng:

Hệ thống quản lý tập trung vào chất lượng và hướng đến khách hàng của Công ty được tổ chức BVQI (Anh Quốc) đánh giá và công nhận là phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2008. Sản phẩm cung ứng của Công ty luôn đảm bảo phù hợp tiêu chuẩn nhà nước về chất lượng hạt giống.

9. Công tác quản trị công ty:

Trong nhiệm kỳ qua HĐQT đã trình ĐHĐCĐ thông qua điều chỉnh, bổ sung Điều lệ công ty cũng đã ban hành "Quy chế quản trị công ty" và nhiều quy định khác nhằm quản trị có hiệu quả các hoạt động của công ty.

III. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NHIỆM KỲ 2015-2019:

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty *(bao gồm các công ty con)* nhiệm kỳ 2015-2019 như sau :

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019
Doanh thu thuần	725.601	850.416	1.012.499	1.204.749	1.377.404
Lợi nhuận trước thuế	102.449	119.938	142.740	169.873	194.225
Lợi nhuận sau thuế	95.181	113.779	128.342	152.737	174.624

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty SSC *(không bao gồm các công ty con)* nhiệm kỳ 2015-2019 như sau:

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019
Doanh thu thuần	716.921	840.000	1.000.000	1.190.000	1.360.000
Lợi nhuận trước thuế	101.469	118.860	141.500	168.385	192.440
Lợi nhuận sau thuế	94.417	112.917	127.350	151.547	173.196

Theo đó:
- Doanh thu tăng bình quân hàng năm : 18%
- Lợi nhuận trước thuế tăng bình quân hàng năm : 17%
- Lợi nhuận sau thuế tăng bình quân hàng năm : 15%

Ngoài ra trong 5 năm (2015-2019), dự kiến công ty SSC còn phát sinh các dòng tiền thu từ hoạt động liên doanh Dự án **"Tổ hợp Thương mại - Văn phòng- Căn hộ Daewon-SSC":**
- Góp vốn liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Mua lại Văn phòng của công ty.
- Số tiền còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ thuế sẽ phân bổ và sử dụng theo quyết định của ĐHĐCĐ.

Để hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên và thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của Công ty, Hội đồng Quản trị Công ty nhiệm kỳ (2015-2019) cần phải tập trung vào những phương hướng chủ yếu sau đây:

- Củng cố và phát triển công tác ***quản trị nguồn nhân lực*** để có thể đảm bảo đầy đủ số lượng và chất lượng nhân sự theo hướng tinh gọn và có năng lực nhằm thực hiện thành công kế hoạch SXKD trong 5 năm tới.
- Điều chỉnh chiến lược ***nghiên cứu phát triển*** sản phẩm chủ yếu; đẩy nhanh tiến độ công nhận giống mới theo dự án; đầu tư đủ nhân lực, cơ sở vật chất để tăng cường ứng dụng công nghệ sinh học hỗ trợ hoạt động chọn tạo giống.

- Củng cố công tác ***hoạch định kế hoạch sản xuất kinh doanh và tổ chức hoạt động tiếp thị*** của SSC, từ đó xác lập kế hoạch, mục tiêu, chỉ tiêu cho các hoạt động, các đơn vị của Công ty.
- Đầu tư nâng cấp, đổi mới thiết bị, xây dựng mở rộng cơ sở vật chất ***kho tàng, máy móc thiết bị*** phục vụ công tác nghiên cứu, sản xuất-chế biến-bảo quản và công tác quản lý.
- Mở rộng ***vùng nguyên liệu*** có điều kiện sinh thái phù hợp để sản xuất hạt giống bắp lai, lúa lai và hạt giống rau.
- Đẩy nhanh tiến độ ***thực hiện dự án liên doanh*** với công ty Daewon để khai thác hiệu quả nguồn lực.
- ***Tăng vốn điều lệ*** lên 200 tỷ trong năm 2016-2017.
- Triển khai công tác ***kế toán quản trị và kiểm soát nội bộ*** nhằm ngăn ngừa và hạn chế các rủi ro trong toàn Công ty và các công ty con.

Và triển khai thực hiện các giải pháp sau:

- Triển khai công tác Tái cấu trúc bộ máy tổ chức theo hướng **"Chuyên sâu-Tinh gọn- Hiệu quả"** ưu tiên sử dụng nhân sự có trình độ, tăng cường hợp tác với các đơn vị khác để sử dụng các dịch vụ cung ứng bên ngoài; tập trung cải tổ hoạt động Marketing, bán hàng theo hướng ngành hàng để phát huy tối đa nguồn lực của công ty; Hoàn thiện và tăng cường công tác tuyển dụng và đào tạo trong và ngoài nước để nâng cao chất lượng nhân lực; xây dựng hệ thống KPI phù hợp từng đơn vị và chế độ lương thưởng phù hợp yêu cầu phát triển của công ty; tăng cường trách nhiệm của các Trưởng Đơn vị, đồng thời gắn với trách nhiệm/ quyền lợi cá nhân và tập thể.
- Phát huy các thành tựu trong nghiên cứu; tiếp tục thúc đẩy tiến độ phóng thích và công nhận giống; củng cố công tác phát triển sản phẩm mới trong các hoạt động trình diễn hội thảo và quảng bá sản phẩm; trong đó chú trọng sản phẩm chủ lực SSC: ngô, lúa thuần, hạt rau; tăng cường hơn nữa phối hợp giữa bộ phận nghiên cứu và phát triển sản phẩm.
  Xây dựng chiến lược Marketing giai đoạn 2015-2019 và nâng cao chất lượng của nhân viên tiếp thị bán hàng thông qua đào tạo, huấn luyện trong và ngoài nước.
- Xây dựng Chiến lược sản xuất giai đoạn 2015-2019 và quy hoạch vùng sản xuất phù hợp để bảo đảm nguồn giống cung ứng ổn định, chất lượng, kịp thời và hiệu quả; đáp ứng tối đa nhu cầu thị trường trong từng thời vụ. Tăng cường quản lý và giám sát chất lượng hạt giống từ khâu ngoài đồng cho đến trong nhà máy để bảo đảm chất lượng đạt và vượt tiêu chuẩn; củng cố uy tín thương hiệu SSC dựa trên chất lượng sản phẩm và dịch vụ.
- Tập trung cũng cố thiết bị và cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng sản phẩm và cơ giới hóa từng bước các hoạt động chế biến bảo quản.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính và công tác quản lý điều hành ở các cấp bảo đảm thực hiện đúng quy định, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại trong hoạt động SXKD, đặc biệt tăng cường công tác thu hồi công nợ và sử dụng chi phí hiệu quả.
- Áp dụng các biện pháp chế tài cần thiết đối với các sai phạm; nêu cao tinh thần tự giác và chịu trách nhiệm thông qua việc triển khai chính sách thưởng/phạt và khen thưởng kịp thời nhằm động viên & khuyến khích đối với sáng tạo, sáng kiến và hoạt động các cá nhân, tập thể có công sức tạo ra hiệu quả trong hoạt động NC-SX-KD; cũng như các cải tiến công tác quản trị của các bộ phận nghiệp vụ nhằm giảm thiểu những tổn thất, thiệt hại để mang lại lợi ích thiết thực cho Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010-2014, Chúng tôi xin chân thành cảm ơn Toàn thể CBNV Công ty đã và đang đóng góp công sức để tạo nên thành quả của Công ty trong thời gian qua; sự chỉ đạo, hỗ trợ và hợp tác có hiệu quả của Bộ NN & PTNT, các ban ngành, đoàn thể, các đơn vị đối tác, các khách hàng, các nhà cung ứng, các cơ quan thông tin đại chúng và toàn thể các cổ đông cũng đã góp phần cho sự phát triển ổn định của công ty trong nhiệm kỳ vừa qua. Chúng tôi tin tưởng rằng quý vị sẽ tiếp tục đóng góp, hỗ trợ và hợp tác với Hội đồng quản trị Nhiệm kỳ IV (2015-2019) để giúp cho Công ty không ngừng phát triển, xứng đáng là doanh nghiệp Top 3 trong ngành Giống cây trồng Việt Nam, phục vụ ngày càng tốt hơn nhu cầu của bà con nông dân, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào việc phát triển sản xuất nông nghiệp của đất nước và không ngừng phát triển thị trường giống cây trồng khu vực.

Trân trọng kính chào.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hàng Phi Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

BAN KIỂM SOÁT
*****

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

BÁO CÁO
TỔNG KẾT NHIỆM KỲ 2010-2014 CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

***Kính gửi**: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam*

- Căn cứ vào Điều lệ của Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam (SSC).
- Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát được áp dụng cho các công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam báo cáo tổng kết nhiệm kỳ (2010-2014) như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT :

Ban kiểm soát SSC nhiệm kỳ 2010-2014, được Đại hội đồng cổ đông ngày 16/4/2010 bầu ra gồm 03 thành viên :

1. Ông Nguyễn Hoàng Công.
2. Ông Đinh Văn Bích.
3. Ông Lê Quang Hồng

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, 2012 đã bầu bổ sung, thay thế thành viên BKS. Hiện nay thành viên BKS của SSC như sau :

1. Ông Nguyễn Hoàng Công.
2. Ông Nguyễn Đức Minh
3. Bà Chu Thị Phương Anh.

Hoạt động của BKS theo quy định của điều lệ công ty, thành viên BKS được phân công nhiệm vụ rõ ràng để thực hiện chức trách nhiệm vụ của BKS theo đúng quy định của Điều lệ Công ty và Đại Hội đồng cổ đông. Các cuộc họp BKS được lập biên bản chi tiết rõ ràng, các thành viên BKS tham dự cuộc họp với tinh thần trách nhiệm được Đại hội cổ đông tin cậy ủy quyền, biên bản họp của BKS được lưu giữ đúng quy định của Pháp luật và Điều lệ của công ty.

Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và hàng năm của công ty; kiểm tra những vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty.

Trong nhiệm kỳ 2010-2014, Ban Kiểm soát đã hoạt động khách quan, trung thực, chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp, chế độ chính sách Nhà nước, Điều lệ của Công ty và các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

II. KIỂM SOÁT VỀ CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH, TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VÀ ĐIỀU LỆ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị SSC đã thực hiện các quyền và nhiệm vụ quản lý theo đúng quy định của Pháp luật, Điều lệ của SSC và Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị SSC có cơ cấu tổ chức hợp lý, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên để đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông giao.
2. Hội đồng quản trị tổ chức họp theo đúng quy định Điều lệ Công ty. Biên bản & Nghị quyết sau các kỳ họp có gửi đến Ban kiểm soát.

3. Ban Tổng Giám đốc SSC đã thực hiện tốt các chủ trương, quyết định do Hội đồng quản trị ban hành để mang lại hiệu quả, giữ vững mục tiêu tăng trưởng và phát triển của SSC.
4. Hạch toán kế toán tuân thủ theo chuẩn mực kế toán hiện hành, lập và nộp báo cáo kế toán kịp thời đến các cơ quan quản lý thẩm quyền, SSC đã kê khai các khoản thuế ưu đãi được hưởng theo qui định về chính sách thuế.
5. Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với công ty niêm yết, theo đúng qui định của Nhà nước.

III. KIỂM SOÁT TÌNH HÌNH HỌAT ĐỘNG VÀ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY:

1. Hoạt động kinh doanh của công ty nhiệm kỳ 2010-2014:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh của SSC đạt được hiệu quả, doanh thu (DT), lợi nhuận (LN) hàng năm luôn bằng và tăng trưởng so với cùng kỳ, tuy nhiên các năm 2013, 2014 thực hiện chưa hoàn thành kế hoạch doanh thu lợi nhuận do Đại Hội đồng cổ đông phê duyệt.
- Trong nhiệm kỳ 2010-2014 Công ty đã đầu tư mua sắm máy móc thiết bị nhà xưởng, đầu tư công nghệ chế biến và mở rộng quy mô sản xuất để thực hiện mục tiêu phát triển dài hạn, công tác đầu tư XDCB, mua sắm, thanh lý tài sản, được thực hiện theo đúng Quy chế tài chính và Điều lệ của SSC, nguồn vốn đầu tư được sử dụng đúng mục đích, các tài sản được đầu tư đưa vào hoạt động sản xuất kinh doanh đã hỗ trợ hoạt động SXKD của SSC thực hiện Nghị quyết Đại hội cổ đông đã thông qua.

2. Hoạt động đầu tư:

- Hoạt động đầu tư trong nhiệm kỳ vừa qua chủ yếu là mua Nhà máy tại Quảng Nam, thành lập Chi nhánh Miền Trung, mua nhà máy hạt giống Công ty East-West tại Củ chi thành lập Trung tâm giống rau hoa SSC, xây dựng Nhà máy chế biến giống cây trồng Trà Vinh, việc mua lại và xây dựng các cơ sở nhằm tạo điều kiện cho hoạt động sản xuất của công ty chuẩn bị cho việc mở rộng nâng tầm phát triển của SSC khẳng định thương hiệu SSC trên thị trường hạt giống .
- Trong nhiệm kỳ 2010- 2014 công ty đã mở rộng hoạt động phát triển ra thị trường Lào (văn phòng đại diện), Campuchia (chi nhánh) nhằm mở rộng thị phần sản phẩm của SSC.

3. Tình hình tài chính :

- Trong nhiệm kỳ hoạt động vừa qua, công ty có tình hình tài chính lành mạnh, bảo đảm cân đối nguồn vốn sản xuất kinh doanh cũng như nguồn vốn đầu tư. Sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.
- Báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập theo đúng quy định của Ủy Ban Chứng khoán, Sở Giao dịch Chứng khoán, Điều lệ Công ty, báo cáo tài chính được lập đầy đủ mẫu biểu theo quy định của Bộ Tài Chính, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, đồng thời phản ánh trung thực và đầy đủ các chỉ tiêu tài chính.

4. Phối hợp hoạt động giữa BKS, HĐQT, Ban Điều hành nhiệm kỳ 2010-2014:

Trên tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác, Ban Kiểm soát luôn chú trọng trao đổi, phối hợp đóng góp, kiến nghị đến HĐQT, Ban Điều hành thông qua các biên bản kiểm soát các Chi nhánh, Trạm/ Trại, Phòng ban về những vấn đề trong quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh, các chính sách phát triển thị trường, đầu tư xây dựng cơ bản, chính sách nhân sự quản lý.

Phối hợp chặt chẽ trong công tác xét chọn đơn vị kiểm toán độc lập, thực hiện đúng quy định điều lệ Công ty, cũng như Quy chế quản trị Công ty, trong phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT.

IV. NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN TỒN TẠI TRONG QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH CỦA SSC NHIỆM KỲ 2010 – 2014.

Qua công tác kiểm soát hoạt động SSC nhiệm kỳ 2010-2014, BKS có những nhận xét, kiến nghị những vấn đề còn tồn tại và cần điều chỉnh thực hiện trong nhiệm kỳ tới, như sau;

1. Đề nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc có giải pháp xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ kế thừa có năng lực trình độ giỏi, tâm huyết với SSC, tạo cơ chế chính sách đãi ngộ cạnh tranh để ổn định người lao động, có chính sách giao khoán công việc, lương thưởng phù

hợp nhằm tăng năng suất lao động, thu hút nhân lực trình độ cao cho mục tiêu phát triển bền vững của SSC.

2. Cần chú trọng công tác lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng kế hoạch SXKD phù hợp với năng lực hiện tại của Công ty, đảm bảo mức tăng trưởng hợp lý, sát thực tế, có cơ sở, là tiêu điểm, động lực cho tập thể Cán bộ công nhân viên công ty phấn đấu nhưng không quá tầm.
3. Về công tác thị trường: Tăng cường công tác Marketing, trình diễn hội thảo các giống thế mạnh của SSC, chỉ đạo công tác nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh để phát triển các loại sản phẩm giống chủ lực có tính cạnh tranh cao trên thị trường nâng cao giá trị thương hiệu SSC.

- Thực hiện quán triệt chính sách bán hàng, chính sách hàng trả lại, xây dựng chính sách, hạn mức tín dụng đối với khách hàng đồng bộ với chính sách thanh toán, Công nợ phải có quy trình đối chiếu công nợ với đại lý định kỳ nhằm xác lập chính xác thời điểm phát sinh công nợ.
- Chính sách chiết khấu phải tuân thủ theo qui định của pháp luật. Thực hiện đúng quy định về hạch toán kế toán, chấp hành đúng chính sách pháp luật về thuế.

4. Ban Tổng Giám đốc cần chú trọng đối với công tác kiểm soát nội bộ, giám sát chặt chẽ các đơn vị sản xuất chế biến bảo quản tránh rủi ro trong sản xuất kinh doanh cũng như tài sản nguồn vốn do yếu tố chủ quan. Đưa kiểm soát nội bộ của Công ty hoạt động hiệu quả hơn, chuẩn hóa quy trình các phòng ban và công tác quản trị điều hành tại các Trạm, Trại và Chi nhánh.
5. Công tác đầu tư XDCB thực hiện thời gian qua thực hiện đầy đủ kế hoạch được ĐHCĐ thông qua, tuy nhiên đề nghị Ban Tổng Giám đốc có những điều chỉnh cần thiết đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư; Sớm hoàn tất thủ tục pháp lý chuyển nhượng đối với 4,878 ha đất An Nhơn Tây – Củ Chi, dự án liên doanh 282 Lê Văn Sỹ, hoàn thành thủ tục pháp lý đất đai Trung tâm Giống Rau Hoa SSC, đưa vào SXKD hiệu quả.
6. Về công tác tài chính, cần thực hiện đúng quy định về hạch toán kế toán, thường xuyên cập nhật các chính sách thuế được ban hành, chấp hành đúng chính sách pháp luật về thuế.
7. Hội đồng quản trị, Ban Điều hành SSC cần tăng cường công tác quản lý có những giải pháp mạnh mẽ nhằm đưa hoạt động SX-KD của Công ty con phát triển theo như định hướng khi mua cổ phần chi phối đối với Công ty CP GCT Nam An.

Trên đây là báo cáo tình hình hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam tổng kết nhiệm kỳ (2010-2014).

Trân trọng!

TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

M.S.D.N: 0302634683-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
Q.TÂN BÌNH-T.P HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN HOÀNG CÔNG

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

TỜ TRÌNH
PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN & CỔ TỨC NĂM 2014

<u>Kính trình</u>: Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam về việc phân phối lợi nhuận;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013, ngày 26 tháng 4 năm 2014
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty mẹ đã được công ty kiểm toán Ernst & Young Việt nam kiểm toán xác nhận

Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2014 với các nội dung như sau:

(Đơn vị tính: VNĐ)

STT	CHỈ TIÊU	SỐ TIỀN	% LNST
1	**Lợi nhuận sau thuế năm 2014**	**87.484.520.410**	100%
2	**Phân phối lợi nhuận năm 2014**	**65.810.608.694**	**75.23%**
a	**Trích lập quỹ**	**20.121.439.694**	23.00%
-	*Quỹ dự phòng tài chính (5% * LN sau thuế)*		0.00%
-	*Quỹ đầu tư phát triển (15% * LN sau thuế)*	*13.122.678.062*	15.00%
-	*Quỹ khen thưởng, phúc lợi (8% * LN sau thuế)*	*6.998.761.633*	8.00%
b	**Thù lao HĐQT và BKS** *(5 thành viên không kiêm nhiệm)*	**712.068.000**	0.81%
c	**Cổ tức 30% Vốn Điều lệ**	**44.977.101.000**	51.41%
3	**Lợi nhuận chưa phân phối**	**21.673.911.716**	**24.77%**

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hàng Phi Dương

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

TỜ TRÌNH

(v/v: BÁO CÁO CHI TRẢ THÙ LAO CỦA HĐQT & BKS NĂM 2014
& PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2015.)

Kính trình : Đại hội đồng cổ đông thường niên 2014

I/ KẾT QUẢ CHI TRẢ THÙ LAO NĂM 2014:

Căn cứ vào Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/4/2014 của ĐHĐCĐ thường niên 2013, biểu quyết thông qua thù lao chi trả cho HĐQT & BKS năm 2014 là 1,5 % lợi nhuận sau thuế (LNST) của Báo cáo hợp nhất 2014;

Mức thù lao thưởng, phạt căn cứ theo tỷ lệ % lợi nhuận sau thuế tăng hoặc giảm so với kế hoạch LNST hợp nhất 2014 theo quy định hiện hành.

- Hàng tháng tạm ứng 70%, số còn lại sẽ được thanh toán sau khi hoàn tất các báo cáo tài chính (đã kiểm toán?) của Công ty và thuế TNCN của các thành viên HĐQT & BKS.
- Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ LNST.

BẢNG THÙ LAO HĐQT & BKS NĂM 2014

STT	KHOẢN MỤC	TỔNG SỐ (đồng)	Tổng mức thù lao HĐQT & BKS năm 2014	GHI CHÚ
A	**Chỉ tiêu thực hiện**			
1	*Doanh thu hợp nhất thực hiện*	608.625.011.501		
2	*Lợi nhuận hợp nhất thực hiện sau thuế*	86.540.951.478		
3	*Lợi nhuận hợp nhất kế hoạch*	95.000.000.000	1.425.000.000	NQ ĐHĐCĐ 2014
4	Lợi nhuận giảm so với kế hoạch	8.459.048.522	84.590.485	
4a	Trong khoảng 10%	8.459.048.522	84,590,485	(4a) x 1%
4b	Trong khoảng 10% -20%	-	-	(4b) x 2%
			1.340.409.515	(3)-(4)

II/ PHƯƠNG ÁN CHI TRẢ THÙ LAO CHO HĐQT & BKS NĂM 2015:

Căn cứ kế hoạch SXKD, doanh thu và LNST hợp nhất năm 2015, với chỉ tiêu LNST là **95,2 tỷ đồng**. Phương án chi trả thù lao cho HĐQT, BKS năm 2015 như sau**:**

1. Tổng thù lao dự kiến chi trả cho HĐQT & BKS là **1,5%** LNST, tương ứng

   95,2 tỷ đồng * 1,5% = 1,42 tỷ đồng

2. Mức thù lao thưởng, phạt căn cứ theo tỷ lệ % thực hiện LNST tăng hoặc giảm so với kế hoạch LNST như sau:

- *Nếu LNST vượt hơn so với kế hoạch không quá 10% thì thù lao tăng 1% của phần LNST vượt. Nếu LNST giảm hơn so với kế hoạch không quá 10% thì thù lao giảm 1% của phần LNST giảm;*

- *Nếu LNST vượt hơn so với kế hoạch trong khoảng từ 10% đến 20% thì thù lao tăng 2% của phần LNST vượt trong khoảng đó. Nếu LNST giảm hơn so với kế hoạch trong khoảng từ 10% đến 20% thì thù lao giảm 2% của phần LNST giảm trong khoảng đó;*
- *Nếu LNST vượt hơn so với kế hoạch trong khoảng từ 20% đến 30% thì thù lao tăng 3% của phần LNST vượt trong khoảng đó. Nếu LNST giảm hơn so với kế hoạch trong khoảng từ 10% đến 20% thì thù lao giảm 3% của phần LNST giảm trong khoảng đó;*

Tóm tắt : Mức thù lao thưởng, phạt được xác định căn cứ tỷ lệ tăng, giảm lợi nhuận sau thuế thực hiện so với kế hoạch theo khung luỹ tiến từng phần như sau:

Khung	Khung tăng, giảm LNST	Thưởng, phạt trong từng khung
1	Từ 0% đến dưới 10%	LNST tăng, giảm trong khung x 1%
2	Từ 10% đến dưới 20%	LNST tăng, giảm trong khung x 2%
3	Từ 20% đến dưới 30%	LNST tăng, giảm trong khung x 3%

3. Phương thức tạm ứng và quyết toán: Tạm ứng hàng tháng là 70% và quyết toán sau khi ĐHĐCĐ thường niên 2015 thông qua.
4. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS kiêm nhiệm được hạch toán vào chi phí. Thù lao cho các thành viên HĐQT & BKS không kiêm nhiệm được chi trả từ lợi nhuận sau thuế.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Hàng Phi Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

TỜ TRÌNH

(V/v: Ủy quyền lựa chọn công ty kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015)

Kính trình : Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2014

- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng Miền Nam.(SSC)
- Căn cứ Quyết định 89/2007/QĐ-BTC, ngày 24/10/2007 của Bộ Tài Chính ban hành qui chế lựa chọn công ty kiểm toán được chấp thuận cho tổ chức phát hành tổ chức niêm yết hoặc tổ chức kinh doanh chứng khoán.
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2013 ngày 26/4/2014 đã ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán kiểm toán năm tài chính 2014, nay HĐQT báo cáo với đại hội như sau:

Hội đồng quản trị đã xét chọn Công ty kiểm toán Ernst &Young (E & Y)và thông báo đến Ban Tổng Giám đốc SSC ký kết hợp đồng kiểm toán năm tài chính 2014, theo HĐ số 61000411-16363943 ngày 15/05/2014 , hợp đồng đã thực hiện & đạt yêu cầu chất lượng và đã thanh lý. với mức phí**: 400.000.000 đồng** *(Bốn trăm triệu đồng chẵn)* bao gồm VAT.

HĐQT kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông biểu quyết **ủy quyền HĐQT** lựa chọn một trong những công ty kiểm toán theo danh sách được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cho phép kiểm toán các công ty niêm yết, để kiểm toán báo cáo tài chính của SSC năm 2015 như sau:

1. **CÔNG TY TNHH ERNST&YOUNG VIỆT NAM** ,
Địa chỉ : 28th Floor, Bitexco Financial Tower 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
(Theo Quyết định số 966/QĐ-UBCK ngày 22 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
2. **CÔNG TY TNHH KPMG**
Địa chỉ : Lầu 10th, Tòa nhà Sunwah 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh. Việt Nam
(Theo Quyết định số 974/QĐ-UBCK ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
3. **CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**,
Địa chỉ : 22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh
(Theo Quyết định số 983/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)
4. **CÔNG TY TNHH PRICEWATERHOUSECOOPERS VIỆT NAM ,**
Địa chỉ : Lầu 4, Saigon Tower 29 Lê Duẩn, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
(Theo Quyết định số 982/QĐ-UBCK ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước)

Kính trình Đại hội Đồng cổ đông xem xét biểu quyết thông qua.
Trân trọng!

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0302834683 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
Q.TÂN BÌNH - T.P HỒ CHÍ MINH

Hàng Phi Quang

CÔNG TY CỔ PHẦN
GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
-----o0o-----

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2015

QUY CHẾ BẦU CỬ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp có hiệu lực ngày 01/07/2006.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Giống cây trồng miền Nam (SSC)

Điều 1 : Quy định chung – các nguyên tắc bầu cử.

a. Việc bầu cử Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban kiểm soát (BKS) được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu theo nguyên tắc trực tiếp, bỏ phiếu kín, đảm bảo đúng luật, đúng điều lệ, công bằng, công khai, dân chủ, theo tỷ lệ sở hữu cổ phần;

b. Người được đề cử để bầu vào HĐQT & BKS không nhất thiết là người nắm giữ cổ phần của Công ty và quyền đề cử, bầu cử được tính theo số cổ phần sở hữu và đại diện ủy quyền. Kết quả bầu cử được tính theo số cổ phần hiện diện.

c. Các cổ đông và người đại diện nhóm cổ đông được uỷ quyền nếu đủ điều kiện và hiện diện tại cuộc họp, đã đăng ký với Ban Tổ chức Đại hội đến giờ bầu cử đều được phát phiếu bầu cử tương ứng theo số cổ phần sở hữu và/hoặc số cổ phần được ủy quyền và có quyền tham gia bỏ phiếu.

d. Cổ đông có quyền chất vấn các vấn đề có liên quan tới cuộc bầu cử trước đại hội nếu thấy có dấu hiệu vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty

Điều 2 : Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT, BKS

a. Số thành viên HĐQT là 05 người và số thành viên BKS là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT, BKS không quá 5 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế;

b. Ít nhất một phần ba (1/3) số thành viên HĐQT, BKS phải là thành viên độc lập không điều hành. Tuy nhiên, kết quả bầu cử là quyết định cuối cùng;

c. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của SSC và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của SSC. Ban kiểm soát phải chỉ định một thành viên là cổ đông của công ty làm Trưởng ban và Trưởng Ban Kiểm soát không phải là Kế toán trưởng của công ty;

d. Số lượng ứng viên được đề cử để bầu vào HĐQT và BKS phải đảm bảo bằng hoặc nhiều hơn số thành viên quy định cho HĐQT và BKS.

Điều 3 : Quy định đề cử để bầu vào HĐQT, BKS :

1. Đề cử ứng viên bầu vào HĐQT, BKS :

   Các cổ đông nắm giữ ít hơn 5% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên để bầu vào HĐQT, BKS. Nếu tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông hoặc nhóm cổ đông mà họ nắm giữ chiếm :

- Từ 5% đến dưới 10% được đề cử một (01) ứng viên;
- Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

2. Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết thì cho phép Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử thêm ứng cử viên HĐQT, BKS và sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua trước khi tiến hành bầu cử.
3. Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử (hoặc ứng cử) để bầu vào HĐQT, BKS phải được gửi về cho Ban Tổ chức trước khi Đại hội được tổ chức.

Điều 4 : Tiêu chuẩn thành viên HĐQT : Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn sau đây :

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định Luật DN;
b. Là cổ đông cá nhân sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty hoặc tiêu chuẩn khác quy định tại Điều lệ Công ty;

Điều 5 : Tiêu chuẩn thành viên BKS :

5.1 Thành viên BKS phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
b. Không phải là vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị em ruột của thành viên HĐQT, TGĐ và những cán bộ quản lý khác;

5.2. Thành viên BKS không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Thành viên BKS không nhất thiết là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

Điều 6 : Phương thức bầu cử, phiếu bầu hợp lệ, không hợp lệ

a. Việc bầu thành viên HĐQT & BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
b. Danh sách ứng viên được đề cử bầu vào HĐQT, BKS (kèm theo thông tin) phải được niêm yết công khai tại địa điểm nơi tổ chức Đại hội.
c. Phiếu bầu cử do Ban tổ chức in sẵn; có ghi danh sách các ứng cử viên, sắp xếp theo thứ tự ABC; có ghi tổng số phiếu bầu; có đóng dấu Công ty SSC.
d. Cách thức bầu cử : Cổ đông nhận phiếu bầu, kiểm tra lại phiếu, chọn tối đa 5 người trong số người được đề cử để bầu vào HĐQT và 3 người trong số người được đề cử để bầu vào BKS. Mỗi cổ đông có quyền bỏ phiếu bầu cho HĐQT và phiếu bầu cho BKS theo mục a của Điều này (theo hướng dẫn bầu cử).
e. Phiếu bầu cử hợp lệ là :
    - Phiếu bầu cử theo quy định tại điểm c, không bị tẩy xoá và cạo sửa;
    - Phiếu bầu cử HĐQT: số người được bầu từ 1 đến 5 người;
    - Phiếu bầu cử BKS: số người được bầu từ 1 đến 3 người.
f. Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu không đúng theo quy định tại điểm c; e; phiếu trắng (không bầu cho ứng viên nào cả) hoặc phiếu bầu nhiều hơn 5 người cho HĐQT và 3 người cho BKS.

Điều 7 : Chủ toạ đoàn

a. Chủ tọa đoàn có trách nhiệm trình danh sách các ứng cử viên được đề cử vào HĐQT và BKS để ĐHĐCĐ thông qua; đề xuất số lượng và thành phần Ban kiểm phiếu để trình ĐHĐCĐ thông qua.

b. Kiểm tra, phê chuẩn và công bố kết quả bầu cử;

c. Giải quyết các thắc mắc, khiếu nại về công tác bầu cử.

Điều 8 : Ban Kiểm phiếu và phương thức kiểm phiếu

a. Thành viên Ban kiểm phiếu phải là cổ đông của công ty và không có tên trong danh sách đề cử hoặc ứng cử vào HĐQT, BKS.

b. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm: Kiểm tra hòm (thùng) phiếu, kiểm tra tính hợp lệ trên mỗi tờ phiếu có in tên các ứng viên do Ban tổ chức phát hành, kiểm tra lần lượt từng phiếu và ghi kết quả vào tờ kiểm phiếu, lập biên bản và công bố kết quả kiểm phiếu và cùng với Chủ toạ đoàn giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông.

c. Kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được chủ tọa phê chuẩn và Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 9 : Ứng viên trúng cử vào HĐQT & BKS

a. Ứng viên trúng cử vào HĐQT, BKS phải đạt tỷ lệ phiếu bầu ít nhất 65% tổng số cổ phần của các cổ đông và người đại diện cổ đông dự họp tại ĐHĐCĐ.

b. Căn cứ vào số lượng thành viên quy định cho HĐQT & BKS, ĐHĐCĐ sẽ dựa vào tỷ lệ phiếu bầu có số phiếu bầu cao nhất từ trên xuống để chọn cho đủ số lượng 05 người đối với HĐQT và 03 người đối với BKS.

c. Nếu bầu cử vòng thứ nhất mà không đủ 05 người đối với HĐQT hoặc không đủ 03 người đối với BKS (có tỷ lệ nhỏ hơn 65%) thì ĐHĐCĐ sẽ tiếp tục bầu vòng thứ hai trong số những ứng viên còn lại cho tới khi đủ số thành viên HĐQT và BKS theo quy định.

d. Khi có kết quả bầu cử, HĐQT phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một Chủ tịch và một Phó Chủ tịch HĐQT.Chủ tịch HĐQT có thể kiêm chức Tổng Giám đốc Công ty. Tuy nhiên quyết định này cần phải được khẳng định lại vào các ĐHĐCĐ thường niên;

e. BKS phải chỉ định một thành viên là cổ đông của Công ty làm Trưởng Ban.Các thành viên còn lại không nhất thiết là cổ đông Công ty.

f. Trường hợp mà cần phải lựa chọn 1 trong 2 ứng cử viên đạt được tỷ lệ phiếu bầu ngang nhau thì : ứng viên nào đang có cổ phần nắm giữ nhiều hơn sẽ được chọn. Nếu số cổ phần nắm giữ cũng bằng nhau, thì việc lựa chọn sẽ do Chủ toạ đoàn quyết định theo một phương thức mà cuộc họp ĐHĐCĐ cho là phù hợp.

g. Sau khi có kết quả bầu cử, Công ty phải thông báo theo quy định của pháp luật.

Điều 10 : Quy chế bầu cử HĐQT & BKS này có hiệu lực ngay sau khi được ĐHĐCĐ thường niên 2014 thông qua.

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0302634683-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM
Q.TÂN BÌNH-T.P HỒ CHÍ MINH

Hàng Phi Quang

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61000411/16998153 - HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam và các công ty con ("Nhóm Công ty"), được lập ngày 16 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 38, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

EY
Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

Dương Lê Anthony	Ngô Hồng Sơn
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán	Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1	Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**415.895.145.077**	**363.176.779.993**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***66.976.786.056***	***25.952.131.178***
111	1. Tiền		54.929.730.500	19.940.464.478
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.047.055.556	6.011.666.700
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***365.000.000***	***365.000.000***
121	1. Đầu tư ngắn hạn		365.000.000	365.000.000
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***142.515.577.531***	***129.324.140.290***
131	1. Phải thu khách hàng	5.1	131.111.254.339	109.957.049.880
132	2. Trả trước cho người bán	5.2	8.075.321.525	16.030.777.305
135	3. Các khoản phải thu khác	6	5.309.336.157	4.922.880.531
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5.1	(1.980.334.490)	(1.586.567.426)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***7***	***188.676.635.945***	***195.714.196.848***
141	1. Hàng tồn kho		192.657.115.831	196.672.321.399
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.980.479.886)	(958.124.551)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***17.361.145.545***	***11.821.311.677***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	3.276.286.092	1.939.371.703
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.837.641.497	4.315.043.392
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		844.023.225	37.973.705
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	9.403.194.731	5.528.922.877
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**121.459.590.303**	**104.916.958.591**
220	***I. Tài sản cố định***		***113.673.438.206***	***96.762.552.820***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	64.013.849.269	59.266.605.344
222	Nguyên giá		116.910.742.418	104.149.242.009
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(52.896.893.149)	(44.882.636.665)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	37.514.702.965	37.477.402.021
228	Nguyên giá		41.289.799.233	40.938.999.233
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.775.096.268)	(3.461.597.212)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	12.144.885.972	18.545.455
260	***II. Tài sản dài hạn khác***		***6.866.016.704***	***7.050.243.299***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	4.635.049.576	5.235.105.354
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	25.3	2.230.967.128	1.815.137.945
269	***III. Lợi thế thương mại***	***14***	***920.135.393***	***1.104.162.472***
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**537.354.735.380**	**468.093.738.584**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**162.978.344.918**	**166.647.213.556**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***161.763.402.403***	***165.206.127.345***
311	1. Vay ngắn hạn	15	57.873.097.600	32.251.298.140
312	2. Phải trả người bán	16	52.504.699.288	69.219.199.992
313	3. Người mua trả tiền trước		847.525.475	1.566.304.933
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	647.173.209	1.018.753.177
315	5. Phải trả người lao động		6.944.569.218	2.483.080.874
316	6. Chi phí phải trả	18	16.254.578.341	7.470.407.549
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	20.424.837.852	43.431.287.795
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.266.921.420	7.765.794.885
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.214.942.515***	***1.441.086.211***
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.214.942.515	1.122.829.265
339	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	318.256.946
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**20.1**	**373.159.576.174**	**300.442.526.784**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***373.159.576.174***	***300.442.526.784***
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
414	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(817.291.640)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		81.893.549.199	69.635.542.187
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		18.480.622.360	14.986.770.145
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		115.158.611.843	58.193.421.680
439	**C. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**		**1.216.814.288**	**1.003.998.244**
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**537.354.735.380**	**468.093.738.584**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	417.647.043	388.967.532
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.333	84.924
- Euro (EUR)	1.200	250

Lê Quang Hồng	Lê Tôn Hùng	Hàng Phi Quang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	21.1	**677.154.707.870**	**654.847.039.170**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	21.1	**(68.529.696.369)**	**(51.766.129.488)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	21.1	**608.625.011.501**	**603.080.909.682**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	23	**(417.907.765.226)**	**(442.347.883.143)**
20	**5. Lợi nhuận gộp**		**190.717.246.275**	**160.733.026.539**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	21.2	**2.169.582.599**	**2.593.332.819**
22	**7. Chi phí tài chính**	22	**(6.021.005.180)**	**(6.337.210.343)**
23	*Trong đó: chi phí lãi vay*		*(5.261.075.698)*	*(4.420.001.086)*
24	**8. Chi phí bán hàng**	23	**(53.808.397.915)**	**(44.738.610.695)**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	23	**(48.082.826.484)**	**(35.211.350.206)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**84.974.599.295**	**77.039.188.114**
31	**11. Thu nhập khác**	24	**1.734.829.000**	**731.714.869**
32	**12. Chi phí khác**	24	**(482.364.030)**	**(434.346.506)**
40	**13. Lợi nhuận khác**	24	**1.252.464.970**	**297.368.363**
50	**14. Tổng lợi nhuận trước thuế**		**86.227.064.265**	**77.336.556.477**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	25.2	**(101.941.970)**	**(1.895.917.306)**
52	**16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	25.3	**415.829.183**	**1.559.202.363**
60	**17. Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN**		**86.540.951.478**	**76.999.841.534**
	Trong đó:			
61	*Lợi ích của các cổ đông thiểu số*		*212.816.044*	*(45.774.006)*
62	*Lãi thuộc về các cổ đông của công ty mẹ*		*86.328.135.434*	*77.045.615.540*
70	**18. Lãi trên mỗi cổ phiếu**	27	**5.782**	**5.150**
	- *Lãi cơ bản*		*5.782*	*5.150*
	- *Lãi suy giảm*		*5.782*	*5.150*

Lê Quang Hồng	Lê Tôn Hùng	Hàng Phi Quang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**86.227.064.265**	**77.336.556.477**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11, 14	9.301.662.485	6.725.436.760
03	Các khoản dự phòng		3.416.122.399	441.080.853
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	21.2, 22	(382.210.012)	468.511.502
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(549.662.480)	(1.711.592.059)
06	Chi phí lãi vay	22	5.261.075.698	4.420.001.086
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**103.274.052.355**	**87.679.994.619**
09	Tăng các khoản phải thu		(28.138.578.624)	(27.058.503.042)
10	Giảm hàng tồn kho		4.015.205.568	173.542.568
11	Giảm các khoản phải trả		(5.089.382.751)	(30.318.492.870)
12	Tăng chi phí trả trước		(736.858.611)	(4.339.496.024)
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.261.075.698)	(4.420.001.086)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	25.2	(937.812.411)	(5.509.673.464)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.411.212.000	9.805.027.300
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(10.986.798.809)	(14.187.978.594)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**59.549.963.019**	**11.824.419.407**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(15.247.217.453)	(34.985.347.857)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	24	519.781.000	402.597.273
27	Tiền lãi đã nhận		384.329.702	1.376.254.727
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(14.343.106.751)**	**(33.206.495.857)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn		234.682.450.246	213.131.664.670
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(209.060.650.786)	(193.927.259.270)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(29.804.000.850)	(14.946.363.200)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(4.182.201.390)**	**4.258.042.200**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Tăng (giảm) tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm**		**41.024.654.878**	**(17.124.034.250)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**25.952.131.178**	**43.083.964.747**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**-**	**(7.799.319)**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**4**	**66.976.786.056**	**25.952.131.178**

Lê Quang Hồng	Lê Tôn Hùng	Hàng Phi Quang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61000411/16998153

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Miền Nam ("Công ty"), được lập ngày 12 tháng 3 năm 2015 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Building a better working world

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty là công ty mẹ có các công ty con và Công ty đang trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng kèm theo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Dương Lê Anthony	Ngô Hồng Sơn
Phó Tổng Giám đốc	Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán	Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1	Số: 2211-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**410.163.356.667**	**358.791.974.058**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***66.876.258.657***	***25.630.350.942***
111	1. Tiền		54.829.203.101	19.618.684.242
112	2. Các khoản tương đương tiền		12.047.055.556	6.011.666.700
120	***II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn***	***5***	***365.000.000***	***365.000.000***
121	1. Đầu tư ngắn hạn		1.489.287.000	1.489.287.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn		(1.124.287.000)	(1.124.287.000)
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***145.730.282.897***	***131.108.380.345***
131	1. Phải thu khách hàng	6.1	134.191.812.755	111.697.192.761
132	2. Trả trước cho người bán	6.2	8.075.321.525	16.030.777.305
135	3. Các khoản phải thu khác	7	5.745.557.854	5.319.603.352
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.282.409.237)	(1.939.193.073)
140	***IV. Hàng tồn kho***	***8***	***180.098.572.644***	***190.073.706.208***
141	1. Hàng tồn kho		183.541.721.067	190.651.072.618
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.443.148.423)	(577.366.410)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***17.093.242.469***	***11.614.536.563***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.276.286.092	1.939.371.703
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		3.836.633.407	4.280.229.661
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		818.881.599	33.397.221
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	9.161.441.371	5.361.537.978
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**121.191.477.294**	**104.495.746.640**
220	***I. Tài sản cố định***		***111.610.635.443***	***94.792.741.128***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	61.951.046.506	57.296.793.652
222	Nguyên giá		112.209.917.151	99.240.078.583
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(50.258.870.645)	(41.943.284.931)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	37.514.702.965	37.477.402.021
228	Nguyên giá		41.289.799.233	40.938.999.233
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.775.096.268)	(3.461.597.212)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	12.144.885.972	18.545.455
250	***II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn***	***14***	***3.518.074.901***	***3.067.843.015***
251	1. Đầu tư vào công ty con		7.549.764.000	7.549.764.000
259	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.031.689.099)	(4.481.920.985)
260	***III. Tài sản dài hạn khác***		***6.062.766.950***	***6.635.162.497***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	4.348.231.123	5.073.018.756
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	1.714.535.827	1.562.143.741
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**531.354.833.961**	**463.287.720.698**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
300	**A. NỢ PHẢI TRẢ**		**157.414.933.310**	**163.221.254.413**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***156.305.521.809***	***161.909.897.966***
311	1. Vay ngắn hạn	16	57.873.097.600	32.251.298.140
312	2. Phải trả người bán	17	50.010.493.632	66.876.394.336
313	3. Người mua trả tiền trước		835.267.475	1.566.304.933
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	265.786.661	611.456.173
315	5. Phải trả người lao động		6.933.645.320	2.438.418.370
316	6. Chi phí phải trả	19	13.918.699.841	7.199.723.549
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	20	20.208.835.260	43.207.732.980
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		6.259.696.020	7.758.569.485
330	***II. Nợ dài hạn***		***1.109.411.501***	***1.311.356.447***
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.109.411.501	993.099.501
339	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	318.256.946
400	**B. VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**21.1**	**373.939.900.651**	**300.066.466.285**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***373.939.900.651***	***300.066.466.285***
411	1. Vốn cổ phần		149.923.670.000	149.923.670.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		8.520.414.412	8.520.414.412
414	3. Cổ phiếu quỹ		(817.291.640)	(817.291.640)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		81.893.549.199	69.635.542.187
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		18.486.219.215	14.992.367.000
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		115.933.339.465	57.811.764.326
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**531.354.833.961**	**463.287.720.698**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	*Số cuối năm*	*Số đầu năm*
1. Nợ khó đòi đã xử lý (đồng Việt Nam)	359.750.544	359.750.544
2. Ngoại tệ các loại:		
- Đô la Mỹ (USD)	1.333	84.924
- Euro (EUR)	1.200	250

Lê Quang Hồng	Lê Tôn Hùng	Hàng Phi Quang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	22.1	**668.389.562.518**	**644.489.367.500**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	22.1	**(66.427.805.599)**	**(46.213.902.198)**
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**	22.1	**601.961.756.919**	**598.275.465.302**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	24	**(417.569.069.608)**	**(440.994.190.339)**
20	**5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**184.392.687.311**	**157.281.274.963**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	22.2	**2.168.460.733**	**2.590.585.124**
22	**7. Chi phí tài chính**	23	**(5.570.773.294)**	**(6.173.147.140)**
23	*Trong đó: chi phí lãi vay*		*(5.261.075.698)*	*(4.420.001.086)*
24	**8. Chi phí bán hàng**	24	**(48.564.671.725)**	**(40.953.253.765)**
25	**9. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	24	**(46.435.716.856)**	**(34.092.644.540)**
30	**10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**85.989.986.169**	**78.652.814.642**
31	**11. Thu nhập khác**	25	**1.694.958.000**	**222.870.000**
32	**12. Chi phí khác**	25	**(250.873.875)**	**(146.669.022)**
40	**13. Lợi nhuận khác**	25	**1.444.084.125**	**76.200.978**
50	**14. Tổng lợi nhuận trước thuế**		**87.434.070.294**	**78.729.015.620**
51	**15. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	26.2	**(101.941.970)**	**(1.895.917.306)**
52	**16. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại**	26.3	**152.392.086**	**1.365.370.391**
60	**17. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**87.484.520.410**	**78.198.468.705**

CÔNG TY CỔ PHẦN GIỐNG CÂY TRỒNG MIỀN NAM

Lê Quang Hồng	Lê Tôn Hùng	Hàng Phi Quang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Tổng lợi nhuận trước thuế**		**87.434.070.294**	**78.729.015.620**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	9.132.432.445	6.450.725.190
03	Các khoản dự phòng		2.758.766.291	387.004.105
04	(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.2 23	(382.210.012)	468.511.502
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(587.333.822)	(1.363.735.921)
06	Chi phí lãi vay	23	5.261.075.698	4.420.001.086
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**103.616.800.894**	**89.091.521.582**
09	Tăng các khoản phải thu		(31.042.661.794)	(31.168.718.561)
10	Giảm hàng tồn kho		7.109.351.551	3.890.060.672
11	Giảm các khoản phải trả		(6.441.538.495)	(31.294.052.738)
12	Tăng chi phí trả trước		(612.126.756)	(4.465.259.107)
13	Tiền lãi vay đã trả		(5.261.075.698)	(4.408.646.768)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	26.2	(937.812.411)	(5.509.673.464)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.411.212.000	9.755.027.300
16	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(10.986.798.809)	(14.183.478.594)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**58.855.350.482**	**11.706.780.322**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm tài sản cố định		(14.293.620.213)	(35.078.731.331)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	25	483.171.000	29.090.000
23	Tiền chi cho vay		-	(741.640.700)
24	Thu tiền cho vay		-	1.343.626.000
27	Tiền lãi đã nhận		383.207.836	1.373.507.032
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(13.427.241.377)**	**(33.074.148.999)**
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn		234.682.450.246	213.131.664.670
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(209.060.650.786)	(193.927.259.270)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(29.804.000.850)	(14.946.363.200)
40	**Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính**		**(4.182.201.390)**	**4.258.042.200**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

VNĐ

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Năm nay*	*Năm trước*
50	**Tăng (giảm) tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm**		**41.245.907.715**	**(17.109.326.477)**
60	**Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm**		**25.630.350.942**	**42.747.476.738**
61	**Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ**		**-**	**(7.799.319)**
70	**Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm**	**4**	**66.876.258.657**	**25.630.350.942**

Lê Quang Hồng	Lê Tôn Hùng	Hàng Phi Quang
Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 3 năm 2015